



Tập Đoàn Tiên Phong

Báo cáo thường niên 2009

Mục lục

| | |
|-----|---|
| 2 | Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 14 | Tầm nhìn và Chiến lược |
| 16 | Chân dung Masan Group |
| 36 | 2009 – Năm bản lề |
| 38 | Các hoạt động kinh doanh khác |
| 45 | Báo cáo của Ban điều hành |
| 55 | Báo cáo tài chính |
| 110 | Thông tin bổ sung |



Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính gửi các quý vị cổ đông,

Masan Group được thành lập với mục tiêu trở thành doanh nghiệp tiên phong của Việt Nam – nơi khát vọng vươn mình cho sự thành công, còn tài năng kiến tạo ra giá trị cho cổ đông. Chúng ta hướng đến mục tiêu trở thành tập đoàn hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân gắn liền với giá trị Việt Nam. Trong suốt lịch sử của Tập đoàn, chúng ta luôn hành động với việc thể hiện tinh thần doanh nhân, nuôi dưỡng nhân tài, khuyến khích tinh thần “Nói ĐƯỢC và tìm cách THỰC HIỆN nó”, và mang lại giá trị cho cổ đông.

Tôi rất hài lòng khi công bố rằng năm 2009 là một năm bản lề mang tính quyết định của Tập đoàn. Tầm nhìn của chúng ta đang dần trở thành hiện thực với sự trợ lực từ nguồn vốn của những đối tác quốc tế đầy uy tín. Hơn nữa, chúng ta cũng đạt được thành công vượt trội với việc Masan Group niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào tháng 11. Việc niêm yết của Tập đoàn đánh dấu những nỗ lực xây dựng doanh nghiệp và kiến tạo giá trị kéo dài hơn một thập kỷ qua của chúng ta.

Tôi cũng muốn điểm lại một số cột mốc chính của Tập đoàn:

- Vào tháng 6 năm 2009, Mekong Capital, một quỹ đầu tư tư nhân hoạt động tập trung ở Việt Nam, đã đầu tư vào Masan Food và tham gia Ban kiểm soát với cương vị quan sát viên.

- Vào tháng 9 và tháng 10, TPG và BankInvest đã đầu tư vào Masan Group và tham gia Hội đồng quản trị của Masan Group với vai trò quan sát viên và thành viên đầy đủ.
- Vào ngày 5 tháng 11, Masan Group chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Ở mức giá đóng cửa phiên giao dịch này, 43.200 đồng một cổ phiếu, Masan Group trở thành công ty có mức vốn hóa thị trường lớn thứ 6 trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, và vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 có hệ số lớn thứ 6 trong chỉ số VN Index.
- Vào tháng 12, công ty House Foods đến từ Nhật Bản đã mua 9.000.000 cổ phần của Masan Group.

Mặc dù hoạt động trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong năm 2008, các doanh nghiệp của Tập đoàn đều phát triển tốt trên cả khía cạnh lợi nhuận lẫn tăng trưởng thị phần. Tôi rất vui mừng khi công bố rằng kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty này trong năm nay lại tiếp tục vượt trội so với thị trường. Nhờ đẩy mạnh hoạt động trong ngành hàng thực phẩm tiện ích, doanh thu thuần của Masan Food tăng từ 1.922 tỷ đồng trong năm 2008 lên 3.958 tỷ đồng trong năm 2009, tương ứng với mức tăng 105,9%.

Lợi nhuận thuần sau thuế năm 2009 của Masan Food là 669 tỷ đồng, tăng 67,2% so với năm 2008, còn của Techcombank là 1.700 tỷ đồng, tăng 43,7% so với năm 2008. Sau khi được điều chỉnh chi phí phân bổ lợi thế thương mại trong quá trình tái cấu trúc trước khi niêm yết và điều chỉnh chi phí lãi trích trước cho trái phiếu chuyển đổi không hưởng trái tức, lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn là 987 tỷ đồng. Dù hoạt động trong tình hình nền kinh tế với nguồn vốn hạn hẹp, Tập đoàn vẫn có thể huy động được một lượng vốn đáng kể từ những nhà đầu tư tài chính và đầu tư chiến lược uy tín như TPG, BankInvest và House Foods từ Nhật Bản.

Nói chung, những thành tích trong năm 2009 khẳng định chiến lược của Masan trong việc lựa chọn các lĩnh vực hoạt động, thu hút đội ngũ quản lý chuyên nghiệp giỏi nhất và hợp tác chặt chẽ với các đối tác tài chính và chiến lược nhằm đảm bảo sự chặt chẽ trong kinh doanh và năng lực thực thi hiệu quả.

Với nền tảng vững chắc được củng cố hơn nhờ những thành tích trong năm 2009, tôi rất tự tin với những triển vọng của Tập đoàn trong năm 2010 và những năm sắp tới. Song hành cùng với sự phát triển của Việt Nam cũng như những cơ hội kinh doanh tiềm tàng, đặc biệt là trong những lĩnh vực mà chúng ta đã đầu tư như lĩnh vực hàng tiêu dùng và dịch vụ tài chính, các doanh nghiệp hiện hữu của chúng ta có thể sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng lợi nhuận thuần sau thuế khoảng 30-50% hàng năm.

Cũng nằm trong chiến lược phát triển của Tập đoàn, chúng tôi đã tăng cường đội ngũ Phát triển Kinh doanh nhằm hỗ trợ triển khai những ý tưởng và cơ hội kinh doanh, đặc biệt là quản lý các công ty con, tìm kiếm cơ hội huy động vốn, nghiên cứu, phát triển những ngành kinh doanh mới, và thực thi các giao dịch mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. Đội ngũ quản lý xuất sắc, nguồn vốn dồi dào, sự hợp tác với các đối tác uy tín và nguyên tắc quản trị rủi ro chặt chẽ là những yếu tố động lực giúp Tập đoàn thực thi những kế hoạch kinh doanh mới cũng như tham gia vào những ngành kinh doanh mới.

Thay mặt Tập đoàn, tôi muốn gửi lời cảm ơn đến các nhân viên và đối tác của Masan Group đã tin tưởng, hỗ trợ và đóng góp tạo nên những thành công vượt trội trong năm nay. Với mục tiêu tiếp tục phát triển dựa trên đà tăng trưởng của năm 2009 và hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Tập đoàn hàng đầu trong khối kinh tế tư nhân của Việt Nam và trở thành đối tác kinh doanh uy tín, Hội đồng quản trị và cá nhân tôi mong muốn được tiếp tục cộng tác cùng các nhân viên, đối tác, nhà đầu tư, khách hàng, các doanh nghiệp và các tổ chức để đáp ứng mong đợi của các cổ đông trong năm 2010.

Trân trọng,
Thành phố Hồ Chí Minh,
ngày 10 tháng 4 năm 2010



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHỌN LỌC NĂM 2009

| | Kiểm toán | Pro forma |
|--|-------------|-------------|
| Thông tin vốn chủ sở hữu | | |
| Giá cổ phiếu vào ngày 31/12/2009 (đồng) | 34.200 | 34.200 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu) | 485.399.820 | 485.399.820 |
| Giá trị vốn hóa thị trường (tỷ đồng) | 16.601 | 16.601 |
| Giá trị vốn hóa thị trường (triệu Đô-la Mỹ, tại tỷ giá USD:VNĐ ~ 1:19.000) | 874 | 874 |
| Báo cáo hoạt động kinh doanh | | |
| Doanh thu (tỷ đồng) | 3.958 | 3.958 |
| Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu | 105,9% | 105,9% |
| Lợi nhuận thuần (tỷ đồng) | 680 | 987 |
| Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận thuần | 69,8% | 55,0% |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | 417 | 719 |
| Báo cáo cân đối kế toán | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền (tỷ đồng)* | 1.900 | 1.900 |
| Các khoản vay (tỷ đồng) | 1.422 | 1.422 |
| Giá trị sổ sách của Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | 4.762 | 4.714 |
| Tổng tài sản (tỷ đồng) | 7.017 | 6.969 |

(*): bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, và đầu tư ngắn hạn



TẦM NHÌN
MASAN GROUP



NHÂN TỐ
XÚC TÁC



TRỌNG DỤNG
NHÂN TÀI

Chân dung Masan Group

Một hình mẫu Việt Nam hiện đại

Luôn tiếp cận khách hàng

Khao khát dẫn đầu

Không ngừng tạo dựng giá trị của cổ đông

Trọng dụng nhân tài

Tôn trọng đối tác



Ông Madhur Maini, Tổng Giám đốc Điều hành

Tầm nhìn và Chiến lược

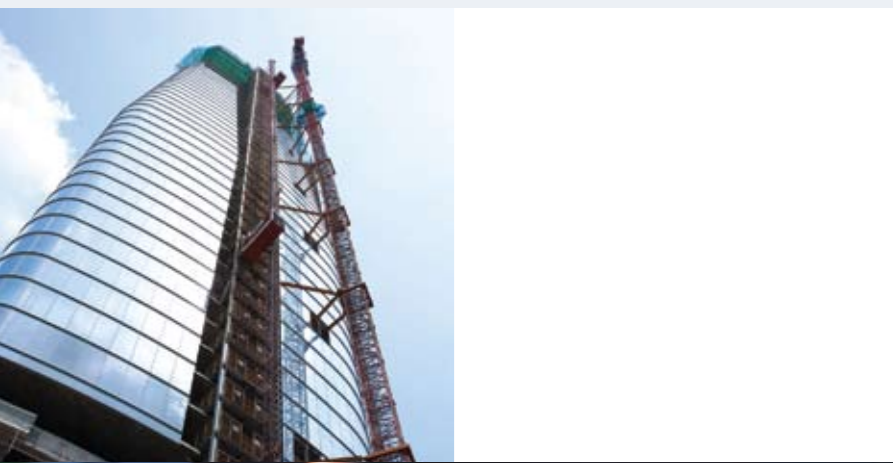
Trong tương lai không xa, Masan Group sẽ trở thành **tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất Việt Nam** với **vị thế dẫn đầu** trên mọi lĩnh vực chúng tôi hoạt động.

Chúng tôi mong muốn trở thành một **nhân tố xúc tác** giúp **phối hợp nhịp nhàng tầm nhìn** trên **với việc thực thi** cùng **các nguyên tắc kỷ luật**. Nhằm hiện thực hóa tầm nhìn, chúng tôi chú trọng tạo lập một nền tảng chung nơi tài năng, các đối tác và nguồn vốn cùng **kết tinh nhằm kiến tạo nên một giá trị Việt Nam cho cổ đông** của Tập đoàn.

Chúng tôi chú trọng và hướng đến việc **phát triển kinh doanh ở các ngành tiêu dùng, dịch vụ, tài nguyên và cơ sở hạ tầng**. Chúng tôi sẽ tiếp tục **xây dựng và đầu tư vào những doanh nghiệp hiện hữu**, đồng thời **thúc đẩy sự tăng trưởng** thông qua hoạt động mua bán và sáp nhập công ty, và **đầu tư vào các hoạt động kinh doanh mới**.

Quản trị rủi ro thông qua việc **phân bổ nguồn vốn chặt chẽ** và áp dụng những **phương pháp quản trị toàn cầu tốt nhất** vừa là công cụ chiến lược vừa là công cụ thực thi của Masan Group.

Chúng tôi tự hào xây dựng một môi trường văn hóa doanh nghiệp đề cao **tổ chất lãnh đạo, tinh thần làm việc tập thể, sáng tạo** và thái độ làm việc **“nói ĐƯỢC, làm ĐƯỢC”**.



Một hình mẫu Việt Nam hiện đại

Việt Nam ngày nay là một quốc gia năng động và đầy nhiệt huyết, với nền dân số thuộc vào nhóm trẻ nhất thế giới và một lực lượng lao động dồi dào, nung nấu nhiều ý chí phấn đấu. Người Việt Nam vốn nhiệt tình, được đào tạo cơ bản và có xu hướng hòa nhập quốc tế - họ đang ngày càng đòi hỏi những cơ hội lớn hơn, cũng như những sản phẩm và dịch vụ tốt hơn nhằm đáp ứng cho nhu cầu của nhịp sống hiện đại. Chắp cánh từ sự phát triển của tiêu dùng nội địa và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nền kinh tế Việt Nam và khu vực kinh tế tư nhân vẫn đang tăng trưởng một cách đáng kể và ổn định trong thập kỷ vừa qua.

Cũng với khát vọng và nhiệt huyết mạnh mẽ của người Việt Nam hiện đại, Masan Group mong muốn trở thành một nhân tố xúc tác trong xu hướng hiện đại hóa này bằng cách xây dựng và đầu tư vào những doanh nghiệp phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng Việt Nam.

Luôn tiếp cận khách hàng

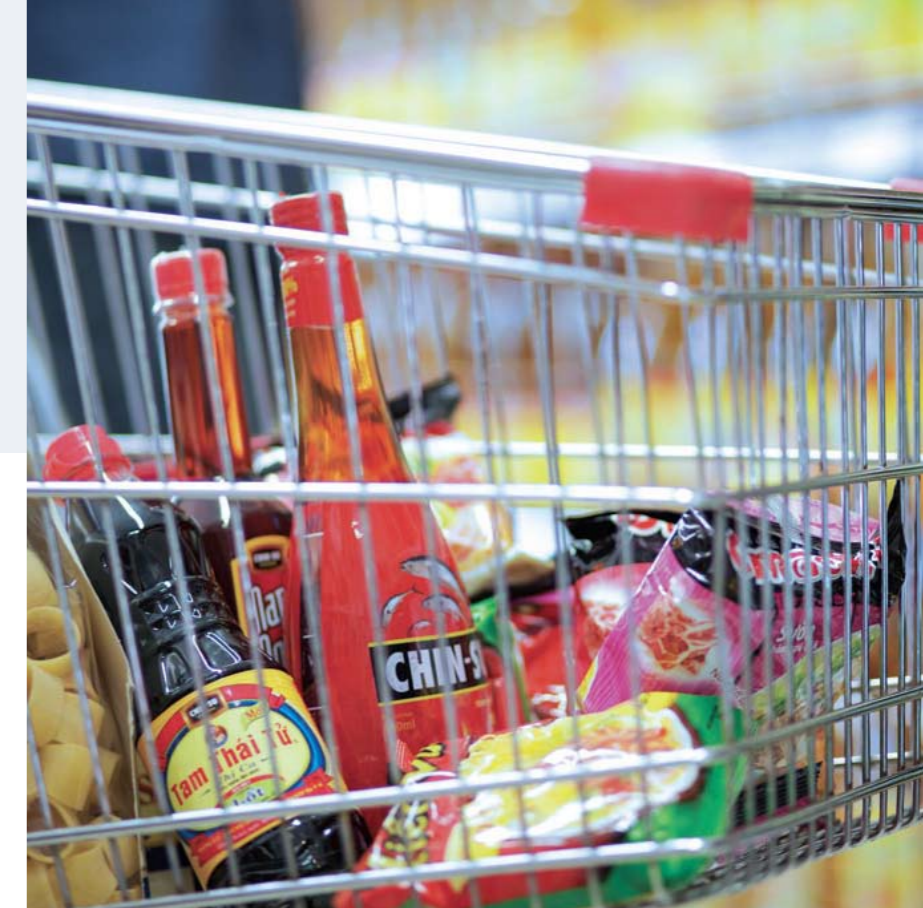
THƯƠNG HIỆU UY TÍN

Việt Nam hiện đại đầy sức trẻ và ngày càng quan tâm đến thương hiệu. Người tiêu dùng đang chuyển đổi từ sử dụng những sản phẩm không thương hiệu và không được đóng gói sang những sản phẩm có thương hiệu, chất lượng cao và đồng nhất. Tập đoàn Masan đã xây dựng một số thương hiệu hàng đầu được thị trường công nhận rộng rãi bằng việc kết hợp sự hiểu biết sâu sắc về văn hóa, nhu cầu và khát vọng của người Việt với việc áp dụng những phương thức làm việc chuyên nghiệp của thế giới.

- Masan Food thống trị các phân khúc thị trường cao cấp của các mặt hàng nước chấm, gia vị và thực phẩm tiện lợi.
- Quan hệ đối tác chiến lược với tập đoàn tài chính quốc tế hàng đầu HSBC đã giúp ngân hàng Techcombank thu hút được những khách hàng tin tưởng vào mối quan hệ của ngân hàng với đối tác chiến lược này.

MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI SÂU RỘNG

Thị trường Việt Nam mang tính phân khúc cao, do đó năng lực tiếp cận thị trường 86 triệu dân này là một lợi thế cạnh tranh bền vững vô cùng quan trọng. Tập đoàn Masan đã thành công trong việc tạo ra nhu cầu dành cho các sản phẩm và dịch vụ của mình. Từ thành công đó, Tập đoàn Masan đã giành được vị trí vượt trội trên thị trường cũng như trong suy nghĩ của người tiêu dùng. Các doanh nghiệp của Tập đoàn Masan đang sở hữu mạng lưới phân phối sản phẩm và dịch vụ sâu rộng khiến các đối thủ cạnh tranh khó lòng bắt kịp: hơn 126.000 điểm bán hàng cho các sản phẩm của Masan Food và hơn 7.000 máy ATM, chi nhánh và phòng giao dịch của Techcombank trên cả nước.



Khao khát dẫn đầu

Chúng tôi khao khát gặt hái kết quả bằng hành động kết hợp với thái độ làm việc “nói ĐƯỢC, làm ĐƯỢC”.

Nói đến Masan là nói đến tố chất lãnh đạo. Chúng tôi khuyến khích nhân viên tạo sự khác biệt bằng cách thực hiện ý tưởng sáng tạo, thể hiện khả năng tiềm ẩn và phát huy tối đa năng lực của mình.

Chúng tôi khao khát xây dựng các doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình, và trên thực tế đã rất thành công. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Masan Group trở thành công ty lớn thứ sáu trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM tính theo giá trị vốn hóa thị trường. Masan Food hiện là công ty dẫn đầu thị trường trong ngành hàng nước tương, nước mắm, tương ớt và mì ăn liền tại Việt Nam, một thị trường tiêu dùng sôi động với khoảng 86 triệu dân. Hoạt động với mô hình kinh doanh tập trung phục vụ thị trường bán lẻ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Techcombank sở hữu một trong những mạng lưới dịch vụ tài chính lớn nhất tại Việt Nam. Trong năm 2009, Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất với tổng tài sản lên đến 92.582 tỷ đồng và có lợi nhuận cao nhất trong số các ngân hàng thương mại cổ phần tính theo tỷ suất lợi nhuận trên tài sản.



Không ngừng tạo dựng giá trị cổ đông

Mục đích kinh doanh của Masan Group là gia tăng giá trị của cổ đông và tạo ra lợi nhuận tăng trưởng bền vững bằng việc khai thác sự phát triển mạnh mẽ của một Việt Nam hiện đại kết hợp với quản lý hiệu quả những rủi ro trong kinh doanh. Chúng tôi áp dụng nguyên tắc hoạt động chặt chẽ với tính chuyên nghiệp cao khi phân tích, cơ cấu và thực thi những cơ hội kinh doanh mới. Từ nền tảng này, Masan Group hiện có mức vốn hóa thuộc nhóm lớn nhất thị trường và góp phần kiến tạo những doanh nghiệp hàng đầu của đất nước.

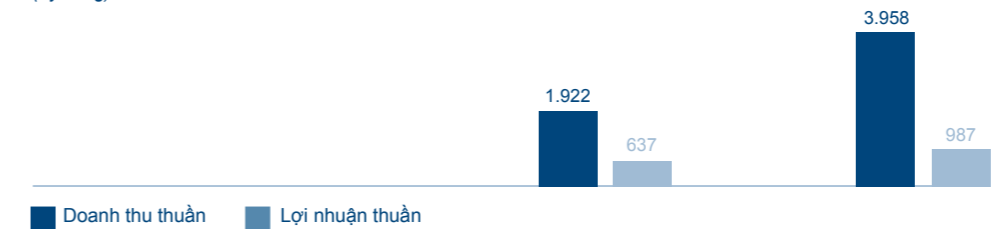
Masan Group chú trọng phát triển kinh doanh ở những ngành tăng trưởng nhanh và đòi hỏi quy mô lớn ví dụ như ngành thực phẩm, hoặc dịch vụ ngân hàng bán lẻ và phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn còn sơ khai. Kết quả hoạt động tài chính xuất sắc cũng như sự tăng trưởng mạnh mẽ của Tập đoàn đơm kết từ tinh thần làm việc chuyên nghiệp và sự tập trung vào những ngành kinh doanh chiến lược.

- Với doanh thu gần 4.000 tỷ đồng, Masan Food là một trong những công ty dẫn đầu thị trường trong các ngành hàng nước tương, nước mắm, tương ớt và đang có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong ngành hàng mì ăn liền ở Việt Nam. Masan Food cũng là một trong những công ty đầu tư cho quảng cáo hiệu quả nhất trong ngành hàng tiêu dùng.
- Được sự hỗ trợ của đối tác chiến lược HSBC, Techcombank là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ bảy của Việt Nam với giá trị 92.582 tỷ đồng, và đạt tỷ suất lợi nhuận trên tài sản cao nhất trong nhóm các ngân hàng tư nhân ở Việt Nam.
- Với chiến lược tiếp cận khách hàng để tối đa hóa kết quả hoạt động kinh doanh, cả Masan Food và Techcombank đều xây dựng và sở hữu hệ thống bán hàng, mạng lưới phân phối, và hoạt động sản xuất phủ khắp toàn quốc.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

Kết quả tài chính của Masan Group

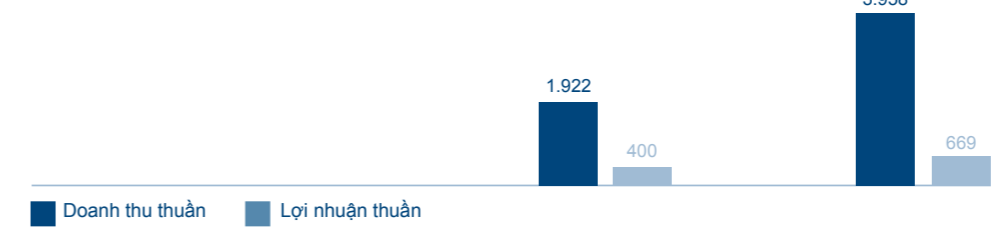
(Tỷ đồng)



(* Lợi nhuận thuần của Tập đoàn Ma San được tính trên cơ sở "pro forma". Cơ sở và giả định về "pro forma" được trình bày trong Báo cáo của Ban điều hành. Các số liệu tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính.

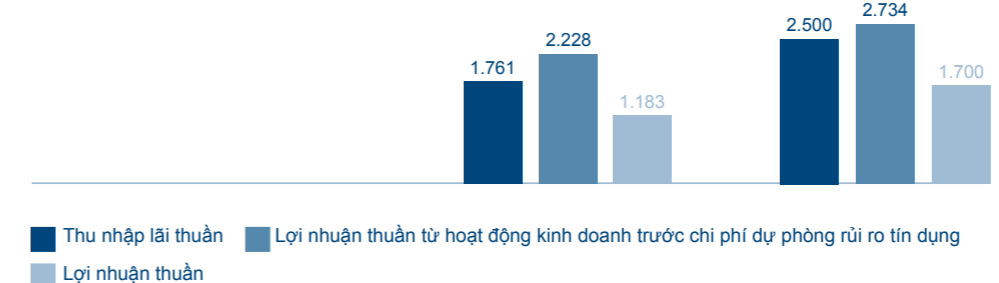
Kết quả tài chính của Masan Food

(Tỷ đồng)



Kết quả tài chính của Techcombank

(Tỷ đồng)



Trọng dụng nhân tài

Masan được điều hành bởi những chuyên gia giàu kinh nghiệm và tài năng. Đội ngũ quản lý đến từ nhiều quốc gia, có kinh nghiệm làm việc quốc tế, đồng thời thể hiện năng lực điều hành xuất sắc tại Việt Nam.

Đội ngũ quản lý chủ chốt đến với Masan từ các công ty hàng đầu trên thế giới:

- Masan Group: Accenture, AllianceBernstein, Deutsche Bank, J.P. Morgan, KPMG Corporate Finance, Lehman Brothers, Merrill Lynch, và Morgan Stanley
- Masan Food: Kimberly-Clark, Nestle, Procter & Gamble, và Unilever
- Techcombank: Citibank, DBS, HSBC (hơn 10 chuyên gia theo ký kết hợp tác đào tạo nhân lực hỗ trợ và quản lý hoạt động của Techcombank), và Standard Chartered Bank

Chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên được học hỏi ở những vai trò và nhiệm vụ khác nhau cũng như phát huy những khả năng tiềm ẩn. Ngoài ra, Tập đoàn Masan cũng thực hiện chính sách đãi ngộ nhân tài bằng việc kết nạp đội ngũ quản lý vào đội ngũ cổ đông.



ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ



NGUYỄN THIỀU NAM
Phó Tổng giám đốc
Trường Khối Đối nội

Ông Nguyễn Thiều Nam là Trưởng Khối Đối nội. Ông Thiều Nam gia nhập Tập đoàn Masan từ năm 1997, với vị trí Giám đốc của Masan Food. Trước đó, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý, gồm Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Đa My, và thành viên Hội đồng Quản trị Techcombank. Ông Thiều Nam tốt nghiệp Đại Học Thương Mại, chuyên ngành Kinh tế.



TIẾN SĨ TRẦN VĂN MINH
Giám đốc chiến lược

Tiến sĩ Trần Văn Minh có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu thị trường, tư vấn tiếp thị bán hàng, kế toán quản trị và mô hình tài chính và kinh nghiệm, làm việc và giảng dạy ở ACNielsen Vietnam, Đại học Waterloo, McMaster University và Dun & Bradstreet, Canada. Tiến sĩ Trần Văn Minh từng là nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tại trường đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ.



TRẦN THỊ MINH NGUYỆT
Trường Khối Điều hành

Bà Trần Thị Minh Nguyệt đã giữ các vị trí Kế toán trưởng ở cả Tập đoàn lẫn các công ty khác từ năm 1997. Bà Minh Nguyệt là Cử nhân ngành Ngoại thương của trường Đại học Thương Mại Việt Nam, và Cử nhân QTKD trường Đại học Kinh tế Việt Nam.



NGUYỄN BÍCH HÀ NGUYỄN
Giám đốc
Khối Đối nội

Nguyễn Bích Hà Nguyễn đóng vai trò then chốt trong Khối Đối nội. Hà Nguyễn từng là Trưởng phòng Đầu tư và Trợ lý Tổng giám đốc tại Masan. Ông có kinh nghiệm rộng rãi trong việc tìm kiếm, đánh giá và triển khai các cơ hội đầu tư khi còn làm việc tại Phòng Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Hà Nguyễn có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và bằng Cử nhân kinh tế của trường Đại học Kinh tế, Tp.HCM.



MICHAEL NGUYỄN
Giám đốc
Phát triển Kinh doanh

Michael Nguyễn lãnh đạo hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp của Tập đoàn. Trước khi gia nhập Masan, Michael là chuyên viên ngân hàng đầu tư J.P. Morgan, làm việc ở Tp. New York, nước Mỹ, và Việt Nam. Michael tốt nghiệp Cử nhân đại học Harvard, chuyên ngành Xã hội học.



PREETINDER S. PANJRATH
Giám đốc
Phát triển Kinh doanh

Preetinder S. Panjraath có nhiều kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, mô hình tài chính, phân tích cạnh tranh và thẩm định cơ hội thị trường mới. Trước khi gia nhập Masan, Preetinder là Chuyên viên phân tích Công nghệ ở Ngân hàng Deutsche Bank New York và đã có hơn 6 năm kinh nghiệm trong nhiều vai trò quản lý khác nhau ở Oracle, Mỹ. Preetinder tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ QTKD tại trường kinh doanh INSEAD, Pháp, và có bằng đại học Công nghệ Cơ khí của Học viện Công nghệ Thapar, Punjab, Ấn Độ.



TRẦN QUANG CHỨC
Giám đốc
Trường Bộ phận Pháp lý

Trần Quang Chúc lãnh đạo Bộ phận Pháp lý ở Masan Group. Trước khi gia nhập Masan, Quang Chúc là luật sư của văn phòng luật Allens Arthur Robinson và YKVN, Trưởng phòng tư vấn pháp lý của công ty TNK Capital Partners. Trước khi làm việc trong ngành luật, ông là giảng viên luật của Học Viện Ngân hàng Hà Nội. Quang Chúc có bằng Thạc sĩ Luật của trường Đại học Melbourne, Úc.



HUỖNH NGỌC HẠNH
Phó Giám đốc
Phát triển Kinh doanh

Huỳnh Ngọc Hạnh chịu trách nhiệm tìm kiếm và đánh giá các cơ hội kinh doanh mới, thương lượng hợp đồng và phối hợp với các công ty con và công ty liên kết. Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, Hạnh có kinh nghiệm rộng rãi trong lĩnh vực nghiên cứu các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, mô hình tài chính và phân tích định giá ở công ty đầu tư toàn cầu AllianceBernstein và nhóm Nghiên cứu Thị Trường Cổ phiếu Tăng trưởng tại New York và San Francisco. Hạnh tốt nghiệp hạng ưu tại đại học San Francisco, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.



SAMRESH KUMAR
Phó Giám đốc
Phát triển Kinh doanh

Samresh có hơn 8 năm kinh nghiệm ở các ngành và khu vực địa lý đa dạng trong lĩnh vực đầu tư chiến lược và vốn tư nhân với Tập đoàn Sun Group, tư vấn quản trị với Accenture, phát triển kinh doanh với Kalpan Hydro, và công tác thẩm định doanh nghiệp trong lĩnh vực Ngân hàng Đầu tư. Samresh có bằng Cao học Quản lý từ Học viện Quản lý Ấn Độ, Calcutta, và bằng Cử nhân Công nghệ Cơ khí từ Viện Công nghệ Ấn Độ, Delhi, Ấn Độ.



TẠ THỊ THÙY TRANG
Kế toán trưởng
Khối Điều hành

Bà Tạ Thị Thùy Trang có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán quản trị và kế toán tài chính. Trước khi gia nhập Masan Group, Thùy Trang là Kế toán trưởng ở công ty TUV SUD PSB Việt Nam và Kế toán tổng hợp ở công ty OV Container Line và Công ty Cổ phần Chuối Cửa Hàng Tiệm Nghi Masan.



PARITOSH GUPTA
Chuyên viên cao cấp
Phát triển Kinh doanh

Paritosh trước đây làm việc tại Lehman Brothers ở Ấn Độ trong nhóm Phân tích-Giải pháp khu vực Châu Á. Trong thời gian này, Paritosh chịu trách nhiệm phân tích các cơ hội đầu tư trong khu vực kinh tế tư nhân có mức vốn hóa trung bình và cơ cấu vốn. Paritosh có bằng Cao học Quản lý của Viện Quản lý Bangalore Ấn Độ, và bằng cử nhân công nghệ ngành Hoá của Viện Công nghệ Ấn Độ, Bombay.



DANNY LÊ
Chuyên viên cao cấp
Phát triển Kinh doanh

Trước khi gia nhập Masan, Danny là chuyên viên ngân hàng đầu tư Morgan Stanley, làm việc với khách hàng là các tổ chức tài chính đa quốc gia để thực thi các giao dịch mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, thị trường vốn và tư hữu hoá. Danny tốt nghiệp đại học Bowdoin College với bằng Cử nhân Xã hội học.



NGUYỄN THẢO ANH
Chuyên viên
Phát triển Kinh doanh

Trước khi gia nhập Masan, Thảo Anh là Chuyên viên phân tích thuộc bộ phận Tài chính Doanh nghiệp ở công ty KPMG Singapore với nhiệm vụ tư vấn cho các khách hàng về định giá doanh nghiệp và xác định giá trị thị trường của các tài sản tài chính và tài sản vô hình cho các mục đích mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, báo cáo tài chính và tái cấu trúc.



NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN
Chuyên viên Phân tích
Phát triển Kinh doanh

Trước khi gia nhập Masan, Hồng Vân là chuyên viên phân tích đầu tư của Công ty Asset Management Consulting AG của Thụy Sĩ. Tại đây, Hồng Vân thực hiện phân tích cổ phiếu, phân tích ngành, phân tích kinh tế và tài chính. Hồng Vân có bằng Cử nhân Khoa học của Học viện ngân hàng và Cử nhân trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp.HCM.



ĐẶNG VĂN ĐỨC
 Chuyên viên phân tích
 Khối Đối nội và Quản lý dự án

Trước khi gia nhập Masan, Đức là Kiểm toán viên ở Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán AASC. Đức có bằng Cử nhân Kinh tế của trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.



NGUYỄN ĐĂNG HIẾU
 Chuyên viên phân tích
 Phát triển kinh doanh

Trước đây, Hiếu làm việc ở quỹ đầu tư TIM Vietnam Tiger Fund với nhiệm vụ phân tích các công ty niêm yết Việt Nam. Hiếu lập mô hình tài chính, viết báo cáo nghiên cứu và đề xuất khuyến nghị đầu tư. Hiếu tốt nghiệp trường Đại học quốc gia Singapore với bằng cử nhân QTKD và có chứng chỉ quản lý rủi ro tài chính FRM.

BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN QUỲNH LÂM
 Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quỳnh Lâm là Trưởng Ban kiểm soát của Tập đoàn Masan, thành viên Ban Kiểm soát của Masan Food và Techcombank. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong các vị trí tài chính và kế toán. Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, Ông Quỳnh Lâm làm việc ở Phòng Tài chính Vật giá tỉnh Sơn La, công ty Đa My và công ty thương mại La Giang. Ông Quỳnh Lâm có bằng Cử nhân kinh tế của trường Đại học Mở và Địa chất, Việt Nam.



NGUYỄN THU HIỀN
 Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hiền có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng cũng như ở Tập đoàn Masan, Bà đã làm việc cho Incombank, Techcombank và Masan Food. Bà Thu Hiền có bằng Cử nhân kinh tế của trường Đại học Kinh tế, Tp. Bà Rịa, Liên bang Xô-viết.



ĐẶNG NGỌC CẢ
 Chuyên viên Pháp lý
 Thành viên Ban kiểm soát

Trước khi gia nhập Masan, Ngọc Cả là Luật sư Cộng sự tại công ty Allens Arthur Robinson, và Trợ lý luật sư ở công ty Luật Việt, Việt Nam. Ông Ngọc Cả có bằng Cử nhân Luật của trường Đại học Luật Tp.HCM.

Đối tác tin cậy

Tại Masan, cổ đông, nhà đầu tư tài chính, đối tác chiến lược, doanh nhân và nhà quản lý đều là các đối tác của chúng tôi. Quan hệ đối tác được chúng tôi xây dựng dựa trên sự tin cậy và minh bạch. Chúng tôi hướng đến mục tiêu trở thành một đối tác hàng đầu ở Việt Nam.

Trong môi trường kinh tế đầy thách thức năm 2009, danh tiếng của Masan trong việc đánh giá cao các mối quan hệ hợp tác không chỉ giúp Tập đoàn thu hút được những nhân tài mới, mà còn mang lại các khoản đầu tư đáng kể từ các công ty uy tín như Mekong Capital, TPG, BankInvest và House Foods của Nhật Bản.

Mô hình quan hệ đối tác cũng giúp chúng tôi củng cố năng lực quản trị doanh nghiệp ở tất cả các cấp công ty. Tại Masan Group, BankInvest là một thành viên trong Hội đồng Quản trị và TPG có một ghế quan sát viên. Techcombank cũng có hai thành viên Hội đồng Quản trị đến từ ngân hàng HSBC và được quản lý hàng ngày bởi những nhà điều hành dày dạn từ HSBC.



HỒ SƠ ĐỐI TÁC

BANK INVEST

Tập đoàn BankInvest được thành lập năm 1969 tại Đan Mạch, là một trong những quỹ quản lý tài sản lớn nhất vùng Scandinavia với tổng tài sản đang quản lý lên đến 20 tỷ đô-la Mỹ, trong đó có 4 tỷ đô-la Mỹ dành riêng để đầu tư vào các thị trường mới nổi.

Năm 2006, BankInvest ra mắt quỹ PENM (Quỹ đầu tư vốn tư nhân vào những thị trường mới) và hiện nay đang sở hữu hai quỹ với tổng nguồn vốn khoảng 240 triệu đô-la Mỹ. Thông qua quỹ PENM, BankInvest cung cấp vốn cùng các kinh nghiệm quản trị cho các công ty cỡ trung có tiềm năng tăng trưởng cao. Từ năm 2007, BankInvest đã chính thức trở thành đối tác chiến lược của 12 công ty Việt Nam, trong đó có Masan Group.



TPG Growth là quỹ đầu tư thị trường trung bình và đầu tư cổ phiếu tăng trưởng thuộc TPG, một công ty đầu tư tư nhân toàn cầu. Với tổng nguồn vốn đang quản lý hơn 2.5 tỷ đô-la Mỹ, TPG Growth tập trung đầu tư trên nhiều ngành và khu vực địa lý khác nhau, thu mua doanh nghiệp bằng đòn cân nợ, cổ phiếu tăng trưởng và đầu tư tư nhân vào cổ phần đại chúng (PIPE). Công ty được hỗ trợ bởi những nguồn lực của TPG với lượng tài sản đang quản lý lên đến 48 tỷ đô-la Mỹ. TPG Growth có văn phòng ở Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ.

TPG Growth là một nhà đầu tư của Masan Group.



Được thành lập vào năm 1913 và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tokyo và Osaka từ năm 1971, các sản phẩm của House Foods bao gồm cà ri, nước chấm, gia vị, thực phẩm đóng gói, thực phẩm tiện nghi, nước giải khát, bánh snack và các loại sản phẩm khác. House Foods có văn phòng, nhà máy sản xuất và trung tâm Nghiên Cứu & Phát triển tại Nhật, Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ và Anh.

House Foods là một nhà đầu tư của Masan Group.



Mekong Capital là một công ty quản lý quỹ tư nhân chuyên đầu tư vào các công ty tăng trưởng của Việt Nam. Kể từ khi thành lập vào năm 2001 đến nay, công ty này hiện có ba quỹ trực thuộc với hơn 37 nhân viên làm việc toàn thời gian tại Tp. HCM và Hà Nội. Công ty đã thực hiện hơn 20 giao dịch đầu tư vào các công ty tư nhân, và có một thành tích nổi bật về sự phát triển lớn mạnh tại các công ty mà Quỹ đã đầu tư.

Mekong Capital tạo ra giá trị cho cổ đông bằng việc đầu tư vào các công ty được quản lý tốt, sau đó hợp tác chặt chẽ với các công ty này để tiếp tục phát triển khả năng quản lý, lãnh đạo, và văn hóa doanh nghiệp nhằm đạt đến một sự phát triển lâu dài và sáng tạo ra các giá trị mới.

Mekong Capital là một nhà đầu tư của Masan Food.



Tập đoàn HSBC là một trong những tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính và ngân hàng lớn nhất thế giới. HSBC là ngân hàng nước ngoài lớn nhất ở Việt Nam, xét về vốn đầu tư, mạng lưới chi nhánh, danh mục sản phẩm, số lượng nhân viên và khách hàng. Tháng 9/2008, HSBC trở thành ngân hàng nước ngoài đầu tiên được cấp giấy phép chính thức của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam để thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

Vào ngày 29/12/2005, HSBC đã mua 10% cổ phần của Techcombank và sau đó tiếp tục tăng tỷ lệ cổ phần của mình ở đây lên thành 20% vào tháng 12/2008, trở thành ngân hàng nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam nắm giữ 20% quyền lợi của một ngân hàng trong nước. HSBC nắm giữ 2 vị trí trong Hội đồng Quản trị, và đã cử nhiều chuyên gia của mình vào làm việc ở các vị trí quản lý cao cấp tại Techcombank.

2009 – Năm bản lề

Mặc dù tác động của cuộc suy thoái toàn cầu năm 2009 vẫn còn kéo dài, nhưng Masan Group đã gặt hái nhiều thành công nổi bật trong một năm hoạt động mang tính lịch sử đối với Tập đoàn. Bên cạnh việc niêm yết thành công trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM ngày 5 tháng 11, Masan Group cũng thành công trong việc huy động vốn tăng trưởng và củng cố mối quan hệ với các đối tác. Những thành công này là minh chứng cho niềm tin của thị trường vào năng lực điều hành của đội ngũ quản lý và tiềm năng tăng trưởng của Tập đoàn.

Masan Group đã huy động hơn 100 triệu đô-la Mỹ trong năm vừa qua từ các đối tác danh tiếng toàn cầu. BankInvest, một công ty quản lý quỹ của Đan Mạch với khối tài sản trị giá hơn 20 tỉ đôla Mỹ, trở thành cổ đông nước ngoài lớn nhất tại Masan Group. Trong một giao dịch huy động vốn thành công khác, Masan Group đã phát hành trái phiếu chuyển đổi có giá trị 630 tỷ đồng cho TPG. Chúng tôi cũng tự hào đón nhận vốn đầu tư từ House Foods, một tập đoàn hàng đầu Nhật Bản chuyên về thực phẩm chế biến.

Trên cơ sở kết quả tài chính ấn tượng từ năm 2008, Masan Group tiếp tục đạt được mức tăng trưởng đáng kể trong chỉ tiêu doanh thu và thu nhập thuần sau thuế trong năm 2009. Cụ thể, doanh thu thuần tăng 105,9% từ mức 1.922 tỷ đồng trong năm 2008 lên 3.958 tỷ đồng trong năm 2009. Hơn nữa, nếu tính trên cơ sở “pro forma”, lợi nhuận thuần sau thuế tăng đáng kể lên 987 tỷ đồng trong năm 2009 từ mức 637 tỷ đồng trong năm 2008, tương ứng với mức tăng trưởng 54,9%.



Các hoạt động kinh doanh khác

Masan Food

Masan Food là một trong những công ty thực phẩm lớn nhất Việt Nam. Công ty đang nắm giữ vị thế dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nước mắm, nước tương, tương ớt và mì ăn liền. Masan Food tiếp thị sản phẩm của mình trong cả phân khúc thị trường cao cấp lẫn trung bình thông qua các nhãn hiệu như Chin-su, Tam Thái Tử, Nam Ngư, Rồng Việt, Omachi và Tiên Vua. Nhiều sản phẩm của công ty được xếp vào nhóm 25 nhãn hiệu hàng đầu của Việt Nam và nắm giữ thị phần thống lĩnh. Sản phẩm của Masan Food được phân phối rộng rãi đến hơn 126.000 điểm bán hàng trên khắp các tỉnh thành, hệ thống phân phối và bán hàng sâu rộng hết sức hiệu quả này đã trở thành một rào cản gia nhập ngành và là mạng lưới giới thiệu sản phẩm mới vô cùng hữu hiệu.

Masan Food được lãnh đạo bởi một đội ngũ chuyên gia đầy uy tín và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, đã từng làm việc trong các tập đoàn đa quốc gia như Procter & Gamble, Unilever, Kimberly-Clark và Nestle.

Những số liệu kinh doanh và tài chính nổi bật năm 2009

- Doanh thu thuần tăng 105,9% lên 3.958 tỷ đồng, và lợi nhuận sau thuế tăng 67,2% lên 669 tỷ đồng.
- Theo thống kê của ACNielsen, các sản phẩm của Masan Food chiếm thị phần khá lớn: các sản phẩm nước tương chiếm 85%, nước mắm chiếm 59%, tương ớt chiếm 40%, và mì ăn liền dòng sản phẩm cao cấp chiếm 45%.
- Những sản phẩm mới được tung ra thị trường như mì ăn liền Omachi mới, nước tương tỏi ớt Chin-su, nước tương bổ sung i-ốt Tam Thái Tử, nước mắm nhĩ Chin-su, và nước mắm Nam Ngư Đệ Nhị dành cho phân khúc thị trường phổ thông.
- Năm nhãn hiệu của Masan Food nhận được Giải vàng vì sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng do Cục quản lý thực phẩm thuộc Bộ Y tế Việt Nam trao tặng.
- Vào tháng 6, Masan Food khai trương nhà máy sản xuất mới ở Hải Dương với tổng công suất hơn 60 triệu gói mì một tháng.

- Mạng lưới phân phối của Masan Food, hiện đang là một trong những mạng lưới lớn nhất Việt Nam, tiếp tục mở rộng tầm bao phủ thị trường mạnh mẽ. Với hơn 140 nhà phân phối, Masan Food có hơn 126.000 điểm bán lẻ vào thời điểm cuối năm, tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 32%. Đội ngũ bán hàng tăng thêm 53% lên hơn 1.300 nhân viên bán hàng trong năm này.
- Vốn điều lệ: 630 tỷ đồng.



Techcombank

Techcombank là một trong những ngân hàng thuộc khối kinh tế tư nhân lớn nhất và đạt lợi nhuận cao nhất ở Việt Nam. Techcombank tập trung phục vụ khu vực bán lẻ và khối doanh nghiệp vừa và nhỏ đang tăng trưởng mạnh. Ngân hàng đã xây dựng được một mạng lưới phục vụ khách hàng trên toàn quốc với hơn 7.000 máy ATM và hơn 180 chi nhánh và phòng giao dịch. Trong năm 2006, Techcombank đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với HSBC để nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng và củng cố thương hiệu của mình. HSBC hiện cũng đang nắm giữ 20% cổ phần trong Ngân hàng.

Những số liệu kinh doanh và tài chính nổi bật năm 2009

- Nhờ sức tăng trưởng thu nhập thuần mạnh mẽ, chỉ số ROA của Techcombank đạt mức 2,3%, cao nhất trong ngành ngân hàng Việt Nam. Còn chỉ số ROE tăng lên 26,3% trong năm 2009 và là mức cao thứ hai trong các ngân hàng Việt Nam.
- Giá trị tài sản của Techcombank tăng trưởng mạnh, giúp Ngân hàng đạt được vị trí thứ 3 trong số các ngân hàng thương mại lớn nhất xét đến khía cạnh tài sản. Tổng tài sản đạt 92.582 tỷ đồng vào thời điểm 31/12/2009, tăng 57% so với cùng kỳ năm trước đó.
- Ngân hàng chú trọng vào việc quản trị rủi ro trong hoạt động của mình, bao gồm cả nghiệp vụ cho vay. Điều này được thể hiện rõ ràng qua tỷ số tiền gửi trên khoản vay ở mức khoảng 1,5 lần vào ngày 31/12/2009.
- Techcombank nhanh chóng gia tăng mạng lưới chi nhánh của mình nhằm cải thiện tầm hoạt động của ngân hàng, mở rộng mạng lưới khách hàng và cải thiện chất lượng dịch vụ của mình. Đến tháng 12/2009, ngân hàng đã có 51 chi nhánh, bao gồm hội sở ở Hà Nội, và 135 phòng giao dịch, tổng cộng là 186 địa điểm kinh doanh. Mạng lưới này được mở rộng 113,8% so với con số 87 địa điểm trong năm 2006, và gấp khoảng 12 lần so với con số 14 địa điểm hoạt động trong năm 2002.
- Vốn điều lệ: 5.400 tỷ đồng



Báo cáo của Ban điều hành

Báo cáo của Ban điều hành

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu trong năm 2009 đã đặt ra những thách thức nghiêm trọng cho nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, Masan Group vẫn ký kết những giao dịch thành công và đảm bảo được các kết quả tài chính vững mạnh.

Trong năm qua, Masan Group đã huy động vốn được hơn 100 triệu đô-la Mỹ từ những nhà đầu tư và đối tác có uy tín như TPG, BankInvest và House Foods của Nhật Bản. Vào ngày 5 tháng 11 năm 2009, Masan Group đã chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và trở thành một trong mười công ty có giá trị vốn hóa thị trường lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân. Năng lực của chúng tôi thể hiện qua việc thực thi các giao dịch và huy động vốn đã giúp chúng tôi giành được vị thế thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp hiện hữu và tận dụng những cơ hội mới trong những ngành tăng trưởng cao và có khả năng mở rộng quy mô.

Ngoài ra, Masan Group đã đạt được mục tiêu tài chính của mình, tạo ra mức lợi nhuận thuần sau thuế đã kiểm toán là 680 tỷ đồng, tăng 69,8% so với năm 2008. Trên cơ sở "pro forma", lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn đạt 987 tỷ đồng, tăng 55,0% so với năm

2008. Kết quả tài chính nổi bật của Masan Group là do đóng góp từ những kết quả ấn tượng, cụ thể là cao nhất trong lịch sử, của các hoạt động kinh doanh chính bao gồm Masan Food và Techcombank. Trong năm 2009, Masan Food tạo ra doanh thu thuần 3.958 tỷ đồng, tăng 105,9% so với năm 2008, và vượt qua mục tiêu cả năm ở mức 3.400 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần sau thuế đã kiểm toán là 669 tỷ đồng, tăng 67,2% so với năm 2008 và cao hơn 33,7% so với mục tiêu cả năm là 500 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Techcombank công bố mức lợi nhuận trước thuế đã kiểm toán đạt 2.253 tỷ đồng, tăng 39,4% so với năm 2008 và vượt mục tiêu điều chỉnh ở mức 2.200 tỷ đồng. Ngân hàng đạt lợi nhuận thuần sau thuế là 1.700 tỷ đồng trong năm 2009, tăng 43,7% so với năm 2008. Sự tăng trưởng của Techcombank chủ yếu là do tổng dư nợ cho vay khách hàng tăng 62,6% lên 42.093 tỷ đồng và tiền gửi của khách hàng tăng 57,4% lên 62.347 tỷ đồng. Hơn nữa, so với mức tăng trưởng tiền gửi (27,0%) và dư nợ vay (37,7%) toàn ngành ngân hàng theo báo cáo của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cho năm 2009, Techcombank đã chứng tỏ hiệu quả hoạt động vượt trội so với các ngân hàng khác.

Chúng tôi tin rằng Masan Group sẽ đạt mức tăng trưởng lợi nhuận khoảng 30-50% trong năm 2010 nhờ vào kết quả kinh doanh nổi bật của các doanh nghiệp của Tập đoàn, khả năng huy động vốn và kinh nghiệm kinh doanh.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu kéo dài trong năm 2009 và tiếp tục gây ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều vấn đề như lãi suất vay ngân hàng cao, tỷ giá bất ổn và áp lực lạm phát. Tất cả những yếu tố này đều có ảnh hưởng đến mọi doanh nghiệp ở Việt Nam trong năm 2009. Trong tương lai sắp tới, môi trường kinh tế có thể thuận lợi hơn với tỷ lệ tăng trưởng GDP dự kiến sẽ tăng mạnh trở lại ở mức của năm 2008 vào cuối năm 2010. Ngoài ra, tỷ giá hối đoái cũng sẽ dần được bình ổn, nhưng mối quan ngại về lạm phát sẽ khó được giải tỏa. Nói chung, chúng tôi cho rằng môi trường kinh doanh trong năm 2010 có thể thuận lợi đối với Masan Group.

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ KINH DOANH

Các yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến các doanh nghiệp của Masan bao gồm rủi ro chính sách, rủi ro do cạnh tranh và rủi ro từ hoạt động kinh doanh, cũng như các yếu tố khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Tập đoàn. Các công ty con và công ty liên kết của Masan Group hoạt động trong những ngành có sự cạnh tranh mạnh và vị trí dẫn đầu thị trường có thể bị thách thức nếu các đối thủ cạnh tranh có những động thái quyết liệt để giành thị phần.

Cụ thể, Techcombank có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ các tổ chức tài chính cả trong nước lẫn ngoài nước do Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO năm 2007. Cam kết cải cách ngành ngân hàng sẽ cho phép các tổ chức nước ngoài với quy mô và kinh nghiệm toàn cầu gia nhập thị trường Việt Nam và cạnh tranh trực tiếp với các ngân hàng nội địa như Techcombank.

Masan đầu tư nhiều vào hoạt động tiếp thị và xây dựng thương hiệu nhằm quảng bá cho sản phẩm và dịch vụ của mình. Nếu Masan không thể khai thác hết lợi thế từ những nỗ lực đó, kết quả tài chính của Tập đoàn sẽ bị ảnh hưởng một cách tiêu cực.

Thành công của Masan Group phụ thuộc vào hiệu quả làm việc của đội ngũ quản lý và nhân viên của Tập đoàn. Mặc dù hoạt động của công ty Masan Food và ngân hàng Techcombank đều không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân, nhà quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị nào, nhưng triển vọng của Masan trực tiếp gắn liền với khả năng và sự nỗ lực của toàn bộ nhân viên. Ngoài ra, sự thành công của công ty cũng phụ thuộc vào khả năng tuyển dụng và giữ chân nhân tài.

Chất lượng nguyên liệu thô, chất lượng dịch vụ khách hàng và khả năng quản lý rủi ro cũng là những yếu tố cốt lõi có thể tác động đến các hoạt động kinh doanh của Masan. Nếu không đáp ứng và duy trì các tiêu chuẩn cao về nguyên liệu thô, về chất lượng dịch vụ khách hàng và quản lý rủi ro, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có thể bị thiệt hại đáng kể.

Triển vọng kinh doanh của công ty trực tiếp gắn liền với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Vì vậy, nếu Việt Nam phải hứng chịu suy thoái kinh tế, thì Tập đoàn sẽ bị ảnh hưởng đáng kể. Hơn nữa, những áp lực lạm phát và sự gia tăng thâm hụt thương mại vẫn mang lại rủi ro cho những hoạt động kinh doanh của công ty.

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 2008 | 2009 | 2008 | 2009 |
|-------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Triệu đồng | Kiểm toán | Kiểm toán | Pro forma | Pro forma |
| Tài sản ngắn hạn | 1.215.821 | 2.441.831 | 1.215.821 | 2.441.831 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 97.479 | 1.123.616 | 97.479 | 1.123.616 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 308.900 | 776.000 | 308.900 | 776.000 |
| Phải thu khách hàng | 112.960 | 54.938 | 112.960 | 54.938 |
| Các khoản phải thu khác | 480.576 | 227.998 | 480.576 | 227.998 |
| Hàng tồn kho | 183.397 | 199.466 | 183.397 | 199.466 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 32.509 | 59.813 | 32.509 | 59.813 |
| Tài sản dài hạn | 359.572 | 4.575.263 | 4.231.388 | 4.527.252 |
| Tài sản cố định | 259.928 | 605.360 | 259.928 | 605.360 |
| Tài sản cố định hữu hình | 201.369 | 465.483 | 201.369 | 465.483 |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 14.646 | 14.096 | 14.646 | 14.096 |
| Tài sản cố định vô hình | 43.858 | 72.865 | 43.858 | 72.865 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 55 | 52.916 | 55 | 52.916 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 71.918 | 3.919.827 | 3.943.734 | 3.871.816 |
| Tài sản dài hạn khác | 27.726 | 50.076 | 27.726 | 50.076 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 1.575.393 | 7.017.094 | 5.447.209 | 6.969.083 |

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 2008 | 2009 | 2008 | 2009 |
|-----------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Triệu đồng | Kiểm toán | Kiểm toán | Pro forma | Pro forma |
| Nợ phải trả | 666.853 | 1.210.937 | 1.566.853 | 1.210.937 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 297.333 | 687.260 | 297.333 | 687.260 |
| Phải trả thương mại | 159.564 | 267.168 | 159.564 | 267.168 |
| Người mua trả tiền trước | 4.599 | 11.267 | 4.599 | 11.267 |
| Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước | 66.771 | 77.417 | 66.771 | 77.417 |
| Phải trả nhân viên | 9.120 | 148 | 9.120 | 148 |
| Chi phí phải trả | 27.155 | 163.590 | 27.155 | 163.590 |
| Phải trả công ty liên quan | 100.077 | 131 | 100.077 | 131 |
| Phải trả khác | 2.234 | 3.956 | 902.234 | 3.956 |
| Nợ dài hạn | 35.746 | 736.618 | 35.746 | 736.618 |
| Vay và nợ dài hạn | 34.313 | 734.723 | 34.313 | 734.723 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 1.433 | 1.895 | 1.433 | 1.895 |
| NỢ PHẢI TRẢ | 702.599 | 1.947.555 | 1.602.599 | 1.947.555 |
| Vốn cổ phần | 32.000 | 4.853.998 | 2.531.797 | 4.853.998 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 0 | 1.421.817 | 472.019 | 1.421.817 |
| Vốn khác | 227.892 | (1.947.256) | 227.892 | (1.947.256) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 213.319 | 434.707 | 213.319 | 386.696 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | (1.391) | (1.178) | (1.391) | (1.178) |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 471.820 | 4.762.088 | 3.443.636 | 4.714.077 |
| LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 400.974 | 307.451 | 400.974 | 307.451 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 1.575.393 | 7.017.094 | 5.447.209 | 6.969.083 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

| | 2008 | 2009 | 2008 | 2009 |
|---|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Triệu đồng | Kiểm toán | Kiểm toán | Pro forma | Pro forma |
| Tổng doanh thu | 2.003.550 | 4.078.147 | 2.00.550 | 4.078.147 |
| Các khoản giảm trừ | (81.462) | (120.333) | (81.462) | (120.333) |
| Doanh thu thuần | 1.922.088 | 3.957.814 | 1.922.088 | 3.957.814 |
| Giá vốn hàng bán | (1.324.167) | (2.583.876) | (1.324.167) | (2.583.876) |
| Lợi nhuận gộp | 597.921 | 1.373.938 | 597.921 | 1.373.938 |
| Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp | (222.994) | (742.038) | (222.994) | (740.601) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 134.525 | 160.292 | 134.525 | 160.292 |
| Chi phí tài chính | (58.297) | (103.130) | (58.297) | (89.480) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 451.155 | 689.062 | 451.155 | 704.149 |
| Kết quả hoạt động khác | 3.758 | (4.146) | 3.758 | (4.146) |
| Lợi nhuận từ công ty liên kết | 0 | 48.010 | 236.617 | 340.033 |
| Lợi nhuận trước thuế | 454.913 | 732.926 | 691.530 | 1.040.036 |
| Chi phí thuế thu nhập | (54.808) | (53.408) | (54.808) | (53.408) |
| Lợi nhuận thuần | 400.105 | 679.518 | 636.722 | 986.628 |
| Lợi nhuận phân bổ cho: | | | | |
| Cổ đông thiểu số | 189.770 | 262.944 | 172.966 | 268.017 |
| Cổ đông vốn chủ sở hữu của công ty | 210.335 | 416.574 | 463.756 | 718.611 |

BÌNH LUẬN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN VÀ KẾT QUẢ GIẢ ĐỊNH (“PRO FORMA”)

Phần phân tích tài chính dưới đây so sánh kết quả kinh doanh giữa số liệu kiểm toán và “pro forma”. Các báo cáo tài chính được kiểm toán và “pro forma” được trình bày dựa trên cơ sở hợp nhất ở cấp độ Tập đoàn (tức là cơ sở kế toán sáp nhập). Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất “pro forma” và bảng cân đối kế toán hợp nhất “pro forma” của Tập đoàn giả định rằng cấu trúc hiện tại của Tập đoàn đã tồn tại theo góc độ của Cổ đông Kiểm soát từ năm 2008. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Masan Group sở hữu 72,8% Masan Food và 19,99% Techcombank. Tất cả các giao dịch và cân đối trong nội bộ tập đoàn đã được loại bỏ khi lập báo cáo hợp nhất.

Số liệu tài chính “pro forma” phản ánh kết quả hoạt động của Masan Group một cách toàn diện hơn vì đã ghi nhận những khoản điều chỉnh sau:

- Ghi nhận lợi nhuận của Techcombank trong năm 2008 và 2009 với giả định Masan Group đã sở hữu 19,99% cổ phần tại Techcombank vào ngày 1 tháng 1 năm 2008;
- Cộng lại chi phí phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc tái cấu trúc 19,99% lợi ích vốn chủ sở hữu tại Techcombank của Masan Group (theo Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam, lợi thế kinh doanh được phân bổ); và
- Cộng lại tiền lãi được trích trước của các trái phiếu chuyển đổi không nhận trái tức được phát hành tháng 11 năm 2009. Cơ sở cho điều chỉnh này là các trái phiếu chuyển đổi không trả lãi nếu được chuyển đổi thành cổ phiếu và với giá chuyển đổi bằng khoảng 50% giá thị trường niêm yết, khả năng chuyển đổi thành cổ phiếu là rất cao.

Các số liệu tài chính đã kiểm toán ghi nhận việc tái cấu trúc quyền sở hữu của Masan Group trong ngân hàng Techcombank, vốn đã hoàn thành vào cuối tháng 8 năm 2009. Theo phương pháp ghi nhận này, chỉ có một phần giá trị của các kết quả tài chính của Techcombank, trừ đi phân bổ lợi thế thương mại liên quan, là được phản ánh trong báo cáo thu nhập của Masan Group cho năm hoạt động kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Doanh thu

Doanh thu thuần tăng 105,9% từ 1.922 tỷ đồng trong năm 2008 lên 3.958 tỷ đồng trong năm 2009. Sự gia tăng này chủ yếu là do Masan Food đã gia tăng thị phần các sản phẩm nước chấm và mì ăn liền, đặc biệt là trong thị trường trung cấp với các sản phẩm nước mắm Nam Ngư, nước tương Tam Thái Tử và mì ăn liền Tiến Vua. Ngoài ra, việc giới thiệu hai sản phẩm mới là nước mắm Nam Ngư Đệ Nhị và mì ăn liền Tiến Vua đã tạo động lực tăng trưởng doanh thu mới. Khả năng giành được thị phần lớn hơn của Masan Food được hỗ trợ bởi sự mở rộng hệ thống phân phối, chiến lược giá cả cạnh tranh, cũng như khả năng đáp ứng được khẩu vị của người tiêu dùng.

Chi phí hàng bán

Tỷ lệ chi phí hàng bán trong doanh thu thuần giảm từ 68,9% trong năm 2008 xuống còn 65,3% trong năm 2009. Chi phí hàng bán giảm chủ yếu là do chí phí cố định giảm nhờ vào quy mô sản xuất lớn hơn và hiệu quả sản xuất cao hơn. Ngoài ra, giá thành thấp hơn của những sản phẩm dành cho thị trường trung cấp, vốn mới được tung ra trong năm 2009, cũng góp phần làm giảm tỷ lệ chi phí hàng bán trong doanh thu thuần.

Chi phí quản lý và bán hàng

Tỷ lệ chi phí quản lý và bán hàng trong doanh thu thuần tăng từ 11,6% trong năm 2008 lên 18,7% trong năm 2009 là do Tập đoàn tập trung đầu tư xây dựng thương hiệu và tiếp thị, và tung ra hai sản phẩm nước mắm và mì ăn liền mới.

Thu nhập tài chính

Tỷ lệ thu nhập tài chính trong doanh thu thuần giảm từ 7,0% năm 2008 xuống 4,1% năm 2009. Masan Group đạt mức thu nhập tài chính 160 tỷ đồng trong năm 2009, chủ yếu từ tiền lãi thu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay, cũng như lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Ở cấp độ báo cáo Masan Group riêng lẻ, thu nhập tài chính chủ yếu là cổ tức từ cổ phần của Techcombank.

Chi phí tài chính

Tỷ lệ chi phí tài chính trong doanh thu thuần giảm từ 3,0% năm 2008 xuống 2,6% năm 2009. Chi phí tài chính trong năm 2009 là 103 tỷ đồng chủ yếu là do chi phí lãi vay các khoản tài trợ cho vốn lưu động và chi phí vốn để xây dựng những cơ sở sản xuất mới ở Bình Dương và Hải Dương. Ở cấp độ báo cáo Masan Group riêng lẻ, chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay trích trước cho bốn trái phiếu chuyển đổi không hưởng trái tức phát hành cho TPG.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt mức 689 tỷ đồng, tăng 52,7% so với năm 2008. Tập đoàn đạt được tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ở mức 17,4%, giảm so với mức 23,5% trong năm 2008. Sự sụt giảm này là do chi phí quản lý và bán hàng tăng mạnh nhằm đầu tư xây dựng thương hiệu và hệ thống phân phối.

Lợi nhuận từ công ty liên kết

Lợi nhuận từ công ty liên kết ở mức 48 tỷ đồng là phần sở hữu của Masan Group trong khoản lợi nhuận của Techcombank cho khoảng 4 tháng trong năm 2009 do Masan Group sở hữu 19,99% ngân hàng Techcombank sau khi tiến hành tái cấu trúc vào cuối tháng 8 năm 2009.

Lợi nhuận thuần sau thuế

Lợi nhuận sau thuế đạt 680 tỷ đồng, tăng 69,8% từ 400 tỷ đồng trong năm 2008. Sự gia tăng này được đóng góp từ kết quả kinh doanh ấn tượng của Masan Food và Techcombank.

Tổng tài sản

Tổng tài sản tăng gấp 4 lần lên 7.017 tỷ đồng trong năm 2009 từ năm 2008. Đây là kết quả của việc tái cấu trúc công ty cũng như hoạt động huy động vốn trong năm qua.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền lên đến 1.124 tỷ đồng vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, tạo điều kiện cho những cơ hội tăng trưởng trong tương lai.

Nợ vay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn lên đến 1.422 tỷ đồng, tương ứng 20.3% tổng tài sản, thấp hơn so với tỷ lệ 21,1% trong năm 2008. Các khoản vay chủ yếu nằm ở Masan Food và các công ty con nhằm cấp vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư vào tài sản của họ. Các công ty trong Tập đoàn không vay vốn từ Techcombank vì đây là một phần của chính sách quản trị doanh nghiệp nhằm tránh phát sinh những mâu thuẫn về lợi ích.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH “PRO FORMA”

Lợi nhuận từ công ty liên kết

Lợi nhuận từ công ty liên kết trên cơ sở “pro forma” là 237 tỷ đồng năm 2008 và 340 tỷ đồng trong năm 2009 với giá định Tập đoàn đã sở hữu 19,99% cổ phần Techcombank từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Lợi nhuận thuần sau thuế

Masan Group đạt được mức lợi nhuận thuần sau thuế “pro forma” 987 tỷ đồng trong năm 2009, tăng 55,0% so với 637 tỷ đồng đạt được trong năm 2008. Mức tăng này chủ yếu là do phần lợi nhuận cả năm từ Techcombank trừ đi chi phí phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại cổ phần Techcombank, cũng như cộng lại chi phí lãi vay trích trước tính trên bốn trái phiếu chuyển đổi không hưởng trái tức phát hành cho TPG.

Bình luận chi tiết về sự khác biệt giữa các kết quả tài chính đã kiểm toán và “pro form” được trình bày ở các mục khác trong báo cáo này.

Báo cáo tài chính

Thông tin về công ty

| | | |
|--|--|--|
| Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số | 4103002877 | ngày 18 tháng 11 năm 2004 |
| Hội đồng Quản trị | Ông Nguyễn Đăng Quang Ông Hồ Hùng Anh Bà Nguyễn Hoàng Yến Ông Nguyễn Thiệu Nam Ông Madhur Maini Ông Lars Kjaer Ông Nguyễn Thanh Hải Bà Nguyễn Ngọc Hà Ông Đào Đức Dưa Bà Phạm Thị Ánh Tuyết Ông Vũ Thành Hoan Ông Nguyễn Gia Hiền | Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 9 tháng 10 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009) |
| Trụ sở đăng ký | Phòng 802, Central Plaza 17 Lê Duẩn Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam | |
| Đơn vị kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ngày 26 tháng 12 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Masan) ("Công ty") và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Báo cáo kiểm toán

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gởi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Masan)

Phạm vi kiểm toán

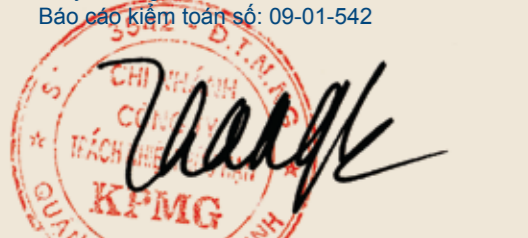
Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam
 Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
 Báo cáo kiểm toán số: 09-01-542



Nguyễn Thanh Nghị
 Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
 Phó Tổng Giám đốc



Chong Kwang Puay
 Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|---|------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 100 | | 2.441.831 | 1.215.821 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 1.123.616 | 97.479 |
| Tiền | 111 | | 523.616 | 97.479 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 600.000 | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 120 | 12 | 776.000 | 308.900 |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 776.000 | 308.900 |
| Phải thu – ngắn hạn | 130 | 5 | 282.936 | 593.536 |
| Phải thu thương mại | 131 | | 56.830 | 113.475 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 68.714 | 35.917 |
| Phải thu công ty liên quan | 133 | | 517 | 410.931 |
| Phải thu khác | 135 | | 158.767 | 33.728 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (1.892) | (515) |
| Hàng tồn kho | 140 | 6 | 199.466 | 183.397 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 237.288 | 190.420 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (37.822) | (7.023) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 59.813 | 32.509 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 3.950 | 8.213 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 47.678 | 12.863 |
| Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách Nhà nước | 154 | 7 | 6.550 | 7.646 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.635 | 3.787 |

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|---|------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Tài sản dài hạn | 200 | | 4.575.263 | 359.572 |
| Tài sản cố định | 220 | | 605.360 | 259.928 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 465.483 | 201.369 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 597.478 | 281.838 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (131.995) | (80.469) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 9 | 14.096 | 14.646 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 16.871 | 15.011 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (2.775) | (365) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 72.865 | 43.858 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 82.688 | 51.410 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (9.823) | (7.552) |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 52.916 | 55 |
| Đầu tư dài hạn | 250 | 12 | 3.919.827 | 71.918 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | | 3.919.827 | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | 71.918 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 50.076 | 27.726 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 11.885 | 17.147 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 14 | 25.420 | 5.698 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | 8.603 | 118 |
| Lợi thế thương mại | 269 | 15 | 4.168 | 4.763 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 7.017.094 | 1.575.393 |

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|----------------------------------|------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.947.555 | 702.599 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.210.937 | 666.853 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 16 | 687.260 | 297.333 |
| Phải trả thương mại | 312 | | 267.168 | 159.564 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | | 11.267 | 4.599 |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước | 314 | 17 | 77.417 | 66.771 |
| Phải trả nhân viên | 315 | | 148 | 9.120 |
| Chi phí phải trả | 316 | 18 | 163.590 | 27.155 |
| Phải trả công ty liên quan | 317 | 19 | 131 | 100.077 |
| Phải trả khác | 319 | 20 | 3.956 | 2.234 |
| Vay và nợ dài hạn | 330 | | 736.618 | 35.746 |
| Vay và nợ dài hạn | 334 | 21 | 734.723 | 34.313 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 336 | 22 | 1.895 | 1.433 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 4.762.088 | 471.820 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | | 4.762.088 | 471.820 |
| Vốn cổ phần | 411 | 23 | 4.853.998 | 32.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 23 | 1.421.817 | - |
| Vốn khác | 418 | | (1.947.256) | 227.892 |
| Quý khen thưởng và phúc lợi | 419 | | (1.178) | (1.391) |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 434.707 | 213.319 |
| LỢI ÍCH CŨ ĐÔNG THIẾU SỐ | 439 | | 307.451 | 400.974 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 7.017.094 | 1.575.393 |

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Tổng doanh thu | 01 | 24 | 4.078.147 | 2.003.550 |
| Các khoản giảm trừ | 02 | 24 | (120.333) | (81.462) |
| Doanh thu thuần | 10 | | 3.957.814 | 1.922.088 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | (2.583.876) | (1.324.167) |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 1.373.938 | 597.921 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 160.292 | 134.525 |
| Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 27 | (103.130) | (58.297) |
| Chi phí bán hàng | 24 | | (636.751) | (150.043) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (105.287) | (72.951) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 689.062 | 451.155 |
| Kết quả của các hoạt động khác | 40 | | | |
| Thu nhập khác | 31 | 28 | 18.632 | 9.443 |
| Chi phí khác | 32 | 29 | (22.778) | (5.685) |
| Lợi nhuận từ công ty liên kết | 40 | 30 | 48.010 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 50 | | 732.926 | 454.913 |
| Chi phí thuế thu nhập – hiện hành | 51 | 311 | (73.130) | (58.985) |
| Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại | 52 | 311 | 19.722 | 4.177 |
| Lợi nhuận thuần (mang sang trang sau) | 60 | | 679.518 | 400.105 |

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận thuần (mang từ trang trước sang) | 60 | | 679.518 | 400.105 |
| Lợi nhuận phân bổ cho: | | | | |
| Cổ đông thiểu số | 61 | | 262.944 | 189.770 |
| Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty | 62 | | 416.574 | 210.335 |
| Lãi trên cổ phiếu | | 34 | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND | 70 | | 2.677 | 65.730 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND | 70 | | 2.675 | 65.730 |

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3, năm 2010

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Vốn cổ phần Triệu VND | Vốn khác Triệu VND | Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND | Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND | Vốn chủ sở hữu thuộc chủ sở hữu của Công ty Triệu VND | Cổ đông thiếu số Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|--|--------------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------------------|------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 | 32.000 | 238.889 | (263) | 42.310 | 312.936 | 302.197 | 615.133 |
| Tăng vốn chủ sở hữu giả định | - | 7.852 | - | - | 7.852 | 7.148 | 15.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 210.335 | 210.335 | 189.770 | 400.105 |
| Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | 419 | (419) | - | - | - |
| Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | (1.542) | - | (1.542) | (1.403) | (2.945) |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận giữ lại | - | 39.843 | - | (39.843) | - | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ được công ty con mua lại | - | (22) | - | - | (22) | (1.792) | (1.814) |
| Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiếu số | - | (11.668) | - | - | (11.668) | (42.117) | (53.785) |
| Việc mua lại giả định từ lợi ích cổ đông thiếu số | - | 5.343 | (5) | 936 | 6.274 | (6.274) | - |
| Khoản phải trả thêm cho việc mua lại sở hữu trong các công ty con | - | (52.345) | - | - | (52.345) | (47.655) | (100.000) |
| Tăng lợi ích cổ đông thiếu số trong các công ty con | - | - | - | - | - | 1.100 | 1.100 |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008 | 32.000 | 227.892 | (1.391) | 213.319 | 471.820 | 400.974 | 872.794 |

| | Vốn cổ phần Triệu VND | Thặng dư vốn Triệu VND | Vốn khác Triệu VND | Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND | Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND | Vốn chủ sở hữu thuộc chủ sở hữu của Công ty Triệu VND | Cổ đông thiếu số Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|---|--------------------------|------------------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------------------|------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 | 32.000 | - | 227.892 | (1.391) | 213.319 | 471.820 | 400.974 | 872.794 |
| Tăng vốn chủ sở hữu giả định | - | - | 6.670 | - | - | 6.670 | 6.071 | 12.741 |
| Công ty con công bố cổ tức (Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San) dưới hình thức trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành và tiền mặt | - | - | - | - | (200.252) | (200.252) | (182.310) | (382.562) |
| Việc mua lại giả định từ lợi ích cổ đông thiếu số | - | - | 10.979 | (168) | 8.338 | 19.149 | (19.149) | - |
| Tăng lợi ích cổ đông thiếu số trong các công ty con | - | - | - | - | - | - | 1.000 | 1.000 |
| Mua từ lợi ích cổ đông thiếu số sau tái cấu trúc Tập đoàn | - | - | (933.496) | - | - | (933.496) | (154.046) | (1.087.542) |
| Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiếu số trong các công ty con | - | - | (528) | - | - | (528) | (5.472) | (6.000) |
| Vốn cổ phần đã phát hành | 4.821.998 | 1.421.817 | - | - | - | 6.243.815 | - | 6.243.815 |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu do việc mua lại các công ty con chịu sự kiểm soát chung | - | - | (1.258.773) | - | - | (1.258.773) | - | (1.258.773) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 416.574 | 416.574 | 262.944 | 679.518 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | 3.272 | (3.272) | - | - | - |
| Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | (2.891) | - | (2.891) | (2.561) | (5.452) |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 4.853.998 | 1.421.817 | (1.947.256) | (1.178) | 434.707 | 4.762.088 | 307.451 | 5.069.539 |

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 732.926 | 454.913 |
| Điều chỉnh cho | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 71.346 | 34.114 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 39.529 | 4.499 |
| Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 04 | | 523 | 2.083 |
| Thu nhập từ bán cổ phiếu | 04 | | (53.454) | - |
| Thu nhập lãi và cổ tức | 05 | | (93.571) | (121.943) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 88.976 | 50.968 |
| Lợi nhuận từ công ty liên kết | 07 | | (48.010) | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 738.265 | 424.634 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | | 32.870 | (7.734) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (54.221) | (61.339) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác | 11 | | 237.547 | 83.112 |
| | | | 954.461 | 438.673 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (74.777) | (50.968) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (70.260) | (35.722) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (5.452) | (2.945) |
| Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 803.972 | 349.038 |

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (411.673) | (141.627) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 229 | 4.457 |
| Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt | 23 | | - | (300.000) |
| Tiền thu hồi các khoản vay từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt | 23 | | 250.000 | - |
| Tiền thu hồi các khoản cho thành viên của Hội đồng Quản trị của công ty con vay | 23 | | 5.000 | - |
| Khoản vay cấp cho công ty mẹ | 23 | | (58.543) | (323.169) |
| Tiền thu hồi các khoản cho công ty mẹ vay | 23 | | 56.714 | 301.283 |
| Khoản vay cấp cho cá nhân | 23 | | (105.915) | - |
| Tiền thu hồi các khoản cho cá nhân vay | 23 | | 105.915 | 1.000 |
| Gửi tiền có kỳ hạn tại Ngân hàng | 24 | | (726.000) | - |
| Thu tiền gửi có kỳ hạn | 24 | | - | 110 |
| Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác | 25 | | (331.000) | (62.920) |
| Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác | 26 | | 14.282 | - |
| Tiền thu lãi cho vay và cổ tức | 27 | | 68.403 | 117.394 |
| Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư | 30 | | (1.132.588) | (403.472) |

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 31 | | 1.163.425 | 15.000 |
| Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số vào các công ty con | 31 | | 1.000 | 1.100 |
| Cổ phiếu quỹ do Công ty con mua lại | 32 | | - | (1.814) |
| Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn | 33 | | 2.493.524 | 1.342.802 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (2.303.186) | (1.223.538) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | | (10) | - |
| Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính | 40 | | 1.354.753 | 133.550 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 1.026.137 | 79.116 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 97.479 | 18.363 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 1.123.616 | 97.479 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

| | 2009 Triệu VND | 2008 Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Nguyên giá của đầu tư dài hạn do Công ty nhận được thông qua hình thức góp vốn từ các cổ đông | 5.093.132 | - |
| Mua trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cần trừ các khoản phải thu từ công ty mẹ | 400.000 | - |
| Cổ tức được công ty con trả dưới hình thức trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành | 382.551 | - |
| Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác chưa nhận được | 128.539 | - |
| Cổ tức phải thu dưới hình thức cổ phiếu thưởng | - | 2.184 |
| Khoản phải trả thêm cho việc mua lại sở hữu trong các công ty con | - | 100.000 |

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là chủ quản đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

| Tên | Nguyên tắc hoạt động | Phần trăm sở hữu tại | |
|--|----------------------------------|----------------------|------------|
| | | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng | Chủ quản đầu tư | 100% | - |
| Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan | Chủ quản đầu tư | 100% | - |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San | Kinh doanh và phân phối | 72,8% | 52,3% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Ma San | Sản xuất nước chấm và mì ăn liền | 72,8% | 52,3% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến | Sản xuất nước chấm | 72,8% | 50,7% |
| Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt | Sản xuất bao bì | 72,8% | 52,3% |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen | Sản xuất thực phẩm | 72,8% | 52,3% |
| Công ty Cổ phần Ma San PQ | Sản xuất nước chấm | 68,8% | 49,4% |
| Công ty Cổ phần Ma San HD | Sản xuất nước chấm và mì ăn liền | 72,8% | - |

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm sở hữu phản ánh phần trăm sở hữu thực tế của các cổ đông đồng kiểm soát trực tiếp và gián tiếp tại các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có 5.079 nhân viên (31/12/2008: 4.177 nhân viên).

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“Triệu VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp giá trị tiếp.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty đã tiến hành việc tái cấu trúc và trở thành công ty mẹ sở hữu 54,8% cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thực phẩm Ma San (“Ma San Food”), trước đó là công ty con ngang cấp. Ma San Food trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Ma San PQ, Công ty Cổ phần Ma San HD, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San trực tiếp sở hữu quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hoa Sen. Do ảnh hưởng của những giao dịch trên, công ty mẹ, Công ty Cổ phần Ma San, đã chuyển nhượng 54,8% vốn chủ sở hữu của Ma San Food cho Công ty để đổi lấy 125.877.284 cổ phiếu mới do Công ty phát hành cho công ty mẹ.

Sau khi mua lại vốn chủ sở hữu của các công ty này, Công ty trở thành công ty mẹ của các công ty trong Tập đoàn. Do các công ty tham gia vào giao dịch hợp nhất kinh doanh nêu trên đều chịu sự kiểm soát chung của cùng một nhóm cổ đông (“Các cổ đông kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, việc hợp nhất này thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung bởi vì các cổ đông kiểm soát vẫn tiếp tục nắm các rủi ro và lợi ích. Việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này không nằm trong phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất Kinh doanh* và trong việc lựa chọn chính sách kế toán đối với giao dịch này, Tập đoàn đã xem xét nội dung của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”) với giả định luôn luôn có sự tồn tại của Tập đoàn. Tài sản và công nợ của các công ty được hợp nhất sử dụng giá trị ghi sổ hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của các cổ đông kiểm soát. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị thuần của tài sản được mua được hạch toán như là sự phân chia hoặc góp vốn giá định từ các cổ đông và được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Khoản tăng vốn chủ sở hữu giá định được hạch toán vào các quỹ khác để phản ánh việc mua lại các công ty con theo phương pháp kế toán sáp nhập như thể Tập đoàn đã luôn tồn tại.

Sau đó, Công ty đã mua thêm lợi ích chủ sở hữu tại Ma San Food và tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72,8% vốn chủ sở hữu tại Ma San Food.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) *Cơ sở kế toán chung (tiếp theo)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty hiện tại trong Tập đoàn như thể cấu trúc tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông kiểm soát (hoặc các công ty được thành lập sau ngày 1 tháng 1 năm 2008, trong giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày kết thúc niên độ của các kỳ báo cáo liên quan). Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và ngày 31 tháng 12 năm 2008 được lập để phản ánh tình hình hiện tại của các công ty trong Tập đoàn tại những ngày này với giả định cấu trúc tập đoàn đã tồn tại vào những ngày đó. Tất cả các giao dịch trọng yếu và các số dư trong nội bộ tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

(ii) *Cơ sở hợp nhất*

Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) *Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)*

Lợi ích của cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần thu được hoặc thanh lý tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại te được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng CMKT 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một khoản tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; và khoản đầu tư vào chứng khoán vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể thì được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(h) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|----------|
| ▪ nhà cửa và cấu trúc | 5-25 năm |
| ▪ nâng cấp tài sản thuê | 3-5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3-6 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3-12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3-6 năm |

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(j) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

(iii) *Nhãn hiệu*

Giá mua của nhãn hiệu được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(ii) *Công cụ, dụng cụ và trực in*

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh từ bên thứ ba. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó..

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(q) Vốn cổ phần (tiếp theo)

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán hoặc sau đó được phát hành lại, khoản phải thu được ghi nhận như một khoản tăng vào vốn chủ sở hữu, và thặng dư hoặc thâm hụt trên các giao dịch được chuyển đến/từ thặng dư vốn.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận được dưới hình thức cổ phiếu được ghi nhận như thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu nhận được.

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(x) Thù lao chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| | Thực phẩm và nước chấm | | Dịch vụ tài chính | | Tổng cộng | |
|--|------------------------|-----------|-------------------|-----------|-----------|-----------|
| | 2009 | 2008 | 2009 | 2008 | 2009 | 2008 |
| | Triệu VNĐ | Triệu VNĐ | Triệu VNĐ | Triệu VNĐ | Triệu VNĐ | Triệu VNĐ |
| Doanh thu bộ phận | 3.957.814 | 1.922.088 | - | - | 3.957.814 | 1.922.088 |
| Lợi nhuận bộ phận | 668.652 | 400.004 | 48.010 | - | 716.662 | 400.004 |
| Các khoản chi phí/thu nhập không phân bổ | | | | | (37.144) | 101 |
| Tổng lợi nhuận | | | | | 679.518 | 400.105 |
| Tài sản bộ phận | 2.400.230 | 1.537.191 | 3.919.827 | - | 6.320.057 | 1.537.191 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | 671.617 | 32.504 |
| Tổng tài sản | | | | | 6.991.674 | 1.569.695 |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.296.976 | 702.594 | - | - | 1.296.976 | 702.594 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | 650.579 | 5 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 1.947.555 | 702.599 |

Tài sản bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý tại Việt Nam.

Chi tiêu vốn, chi phí phân bổ và khấu hao chỉ liên quan đến bộ phận kinh doanh thực phẩm và nước chấm và được trình bày trong các thuyết minh liên quan trong các báo cáo tài chính.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Tiền mặt | 1.203 | 2.776 |
| Tiền gửi ngân hàng | 522.236 | 94.703 |
| Tiền đang chuyển | 177 | - |
| Các khoản tương đương tiền | 600.000 | - |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 1.123.616 | 97.479 |

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VNĐ tương đương 7.666 triệu VNĐ (31/12/2008: 11.738 triệu VNĐ).

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU – NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan:

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San - công ty mẹ | | |
| Phi thương mại | 517 | 398.897 |
| Phải thu từ các công ty liên quan khác | | |
| Thương mại | - | 240 |
| Phi thương mại | - | 11.794 |
| | 517 | 410.931 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản phi thương mại phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) bao gồm khoản tạm ứng thuê văn phòng là 517 triệu VNĐ (31/12/2008: 726 triệu VNĐ). Khoản tạm ứng này không được đảm bảo, không chịu lãi và được trả theo yêu cầu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU – NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Tạm ứng | 32 | 644 |
| Lãi trích trước phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | 29.067 | - |
| Phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt | 128.539 | - |
| Cho các cổ đông của Công ty tạm ứng | - | 32.000 |
| Phải thu khác | 1.129 | 1.084 |
| | 158.767 | 33.728 |

Khoản phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt phản ánh khoản phải thu về việc thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San trong lợi ích vốn chủ sở hữu và trái phiếu có thể chuyển đổi lần lượt là 108 tỷ VNĐ và 20 tỷ VNĐ. Các khoản phải thu được hoàn trả trong vòng một năm từ ngày 28 tháng 12 năm 2009.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|-------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 515 | - |
| Tăng dự phòng trong năm | 1.377 | 515 |
| | 1.892 | 515 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu thương mại của Tập đoàn tương đương 1.102 triệu VNĐ được thế chấp để đảm bảo khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt, Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, là các công ty con của Ma San Food (31/12/2008: 21.502 triệu VNĐ).

6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 15.681 | 4.861 |
| Nguyên vật liệu | 145.202 | 116.716 |
| Công cụ và dụng cụ | 496 | 706 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 48.365 | 24.849 |
| Thành phẩm | 27.544 | 43.288 |
| | 237.288 | 190.420 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (37.822) | (7.023) |
| | 199.466 | 183.397 |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 7.023 | 5.637 |
| Tăng dự phòng trong năm | 40.732 | 4.252 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (7.352) | (2.598) |
| Hoàn nhập dự phòng | (2.581) | (268) |
| | 37.822 | 7.023 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị là 31.049 triệu VNĐ (31/12/2008: 21.362 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của một công ty con của Ma San Food, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Thuế xuất nhập khẩu có thể được hoàn lại từ Ngân sách Nhà nước | 6.546 | 7.646 |
| Phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước | 4 | - |
| | <u>6.550</u> | <u>7.646</u> |

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa Triệu VND | Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND | Thiết bị văn phòng Triệu VND | Máy móc và thiết bị Triệu VND | Phương tiện vận chuyển Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|--|----------------------|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--|-------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 50.828 | 1.175 | 7.897 | 206.397 | 15.541 | 281.838 |
| Tăng trong năm | 70.424 | - | 7.756 | 193.703 | 3.454 | 275.337 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 3.203 | - | 444 | 39.626 | - | 43.273 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | - | - | - | (1.860) | - | (1.860) |
| Thanh lý | - | - | (68) | (198) | (844) | (1.110) |
| Phân loại lại | - | - | 288 | 1.672 | (1.960) | - |
| Số dư cuối năm | <u>124.455</u> | <u>1.175</u> | <u>16.317</u> | <u>439.340</u> | <u>16.191</u> | <u>597.478</u> |

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

| | Nhà cửa Triệu VND | Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND | Thiết bị văn phòng Triệu VND | Máy móc và thiết bị Triệu VND | Phương tiện vận chuyển Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---|----------------------|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--|-------------------|
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 9.718 | 288 | 1.853 | 61.484 | 7.126 | 80.469 |
| Khấu hao trong năm | 5.106 | 387 | 2.744 | 42.154 | 2.427 | 52.818 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | - | - | - | (266) | - | (266) |
| Thanh lý | - | - | (17) | (165) | (844) | (1.026) |
| Phân loại lại | - | - | 52 | 253 | (305) | - |
| Số dư cuối năm | <u>14.824</u> | <u>675</u> | <u>4.632</u> | <u>103.460</u> | <u>8.404</u> | <u>131.995</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 41.110 | 887 | 6.044 | 144.913 | 8.415 | 201.369 |
| Số dư cuối năm | <u>109.631</u> | <u>500</u> | <u>11.685</u> | <u>335.880</u> | <u>7.787</u> | <u>465.483</u> |

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị giá 7.946 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 13.572 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị là 93.843 triệu VND (31/12/2008: 85.308 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn. Tham chiếu mục 22(c), (d) và (e), một số tài sản cố định sẽ được thế chấp để đảm bảo những khoản vay trên khi những khoản vay này được giải ngân, danh sách tài sản thế chấp sẽ được gửi kèm cho bên cho vay.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 9.269 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: Không).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 429 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: Không).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ |
|------------------------------------|-------------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | 15.011 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | 1.860 |
| Số dư cuối năm | 16.871 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 365 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | 266 |
| Khấu hao trong năm | 2.144 |
| Số dư cuối năm | 2.775 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 14.646 |
| Số dư cuối năm | 14.096 |

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi một công ty con của Ma San Food, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ | Phần mềm vi tính Triệu VNĐ | Nhãn hiệu Triệu VNĐ | Tổng Triệu VNĐ |
|-------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 49.106 | 2.304 | - | 51.410 |
| Tăng trong năm | 25.305 | 2.227 | - | 27.532 |
| Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | 3.200 | - | 546 | 3.746 |
| Số dư cuối năm | 77.611 | 4.531 | 546 | 82.688 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.160 | 392 | - | 7.552 |
| Khấu hao trong năm | 1.189 | 946 | 109 | 2.244 |
| Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | - | - | 27 | 27 |
| Số dư cuối năm | 8.349 | 1.338 | 136 | 9.823 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 41.946 | 1.912 | - | 43.858 |
| Số dư cuối năm | 69.262 | 3.193 | 410 | 72.865 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 40.902 triệu VNĐ (31/12/2008: 39.074 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 2009 Triệu VND | 2008 Triệu VND |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 55 | 5.157 |
| Tăng trong năm | 96.393 | 5.525 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (43.273) | (10.307) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (259) | (320) |
| Số dư cuối năm | 52.916 | 55 |

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

| | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Đầu tư dài hạn | | |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 3.919.827 | - |
| Đầu tư dài hạn khác vào lợi ích vốn chủ sở hữu | - | 71.918 |
| | 3.919.827 | 71.918 |
| Đầu tư ngắn hạn | | |
| Cho một cá nhân vay ngắn hạn | - | 6.275 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | 726.000 | - |
| Cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, một cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vay ngắn hạn | 50.000 | 302.625 |
| | 776.000 | 308.900 |

Khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư vào 19,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank"). Các cổ phiếu này được mua bằng cách phát hành cổ phiếu mới và các công cụ nợ.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn hơn 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 9,8% (2008: Không).

Khoản vay ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không có đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và được hoàn trả theo yêu cầu theo hợp đồng vay được ký lại.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Chi phí đất trả trước Triệu VND | Trục in Triệu VND | Công cụ và dụng cụ Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---|---------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 5.707 | 2.695 | 8.745 | 17.147 |
| Tăng trong năm | - | 2.139 | 10.271 | 12.410 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 259 | 259 |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (3.200) | - | (518) | (3.718) |
| Thanh lý | - | (668) | - | (668) |
| Phân bổ trong năm | (61) | (3.825) | (9.659) | (13.545) |
| Số dư cuối năm | 2.446 | 341 | 9.098 | 11.885 |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

| | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 55 | 410 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 21 |
| Chiết khấu hàng bán trích trước | 7.858 | 4.755 |
| Chi phí vận chuyển trích trước | 4.229 | 402 |
| Chi phí quảng cáo và khuyến mại trích trước | 8.651 | - |
| Chi phí trích trước khác | 710 | 110 |
| Lỗi tính thuế mang sang | 3.917 | - |
| | <u>25.420</u> | <u>5.698</u> |

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | Triệu VND |
|-------------------------------|--------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm/số dư cuối năm | 5.954 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 1.191 |
| Khấu hao trong năm | 595 |
| Số dư cuối năm | <u>1.786</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 4.763 |
| Số dư cuối năm | <u>4.168</u> |

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Vay ngắn hạn | | | |
| Vay từ ngân hàng Vietcombank | | | |
| | (a) | 69.050 | 84.754 |
| | (b) | 19.599 | 19.784 |
| | (c) | 269.806 | 91.937 |
| | (d) | 33.086 | - |
| | (e) | 68.749 | - |
| Vay từ ngân hàng BIDV | | | |
| | (f) | - | 58.000 |
| Vay từ ngân hàng HSBC | | | |
| | (g) | 12.468 | 14.104 |
| Vay từ ngân hàng Vietinbank | | | |
| | (h) | 24.507 | 17.874 |
| | (i) | 166.450 | - |
| Vay từ cá nhân | | | |
| | (j) | 466 | 410 |
| | | <u>664.181</u> | <u>286.863</u> |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21) | | | |
| | | 23.079 | 10.470 |
| | | <u>687.260</u> | <u>297.333</u> |

(a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San, một công ty con, và được đảm bảo bằng các khoản đầu tư vào các công ty con là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 6,44% đến 8,81% (2008: 7,00% đến 9,81%).

Trong năm, khoản vay bằng VND chịu lãi suất năm dao động từ 6,00% đến 11,28% (2008: 11,28% đến 21,00%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và không được đảm bảo.
- Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 4,73% đến 7,00% (2008: 7,00%).
- Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 7,62% đến 12,56% (2008: 10,20% đến 21,00%).
- (c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 300 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 33.591 triệu VNĐ (31/12/2008: 34.439 triệu VNĐ) và tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 14.725 triệu VNĐ (31/12/2008: 17.423 triệu VNĐ).
- Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 3,30% đến 8,00% (2008: 6,30% đến 6,85%).
- Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 6,00% đến 12,00% (2008: 10,56% đến 21,00%).
- (d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 50 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 34.027 triệu VNĐ. Khoản vay được rút bằng Đô la Mỹ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 3,00% đến 7,00%.
- (e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD với hạn mức tối đa là 80 tỷ VNĐ. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 12,00%.
- (f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San với hạn mức tối đa là 70 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất lần lượt do Ông Nguyễn Đăng Quang, chủ tịch và Bà Nguyễn Hoàng Yến, thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San sở hữu. Trong năm 2008, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 11,50% đến 20,50%. Khoản vay này được hoàn trả đủ trong năm.
- (g) Khoản vay bằng Đô la Mỹ được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 lần lượt là 31.049 triệu VNĐ và 1.102 triệu VNĐ (31/12/2008: lần lượt là 21.362 triệu VNĐ và 9.020 triệu VNĐ). Khoản vay này cũng được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,27% đến 8,24% (2008: 5,05% đến 8,24%).
- (h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến với hạn mức tối đa là 98.000 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15.346 triệu VNĐ (31/12/2008: 19.828 triệu VNĐ), quyền sử dụng đất với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 4.516 triệu VNĐ (31/12/2008: 4.635 triệu VNĐ) và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 152.329 triệu VNĐ (31/12/2008: 12.482 triệu VNĐ). Khoản vay được rút bằng VNĐ và trong năm chịu lãi suất dao động từ 6,15% đến 12,92% (2008: 11,76% đến 20,20%).

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 180 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 441.927 triệu VNĐ. Khoản vay được rút bằng VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 6,00% đến 6,05%.
- (j) Khoản vay từ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

17. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 19.834 | 12.210 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 739 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 56.359 | 53.487 |
| Các loại thuế khác | 485 | 1.074 |
| | 77.417 | 66.771 |

18. CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí vận chuyển | 16.914 | 1.766 |
| Thưởng và lương tháng 13 | 4.196 | 2.640 |
| Chi phí quảng cáo và khuyến mại | 78.463 | - |
| Chiết khấu hàng bán | 31.432 | 19.021 |
| Lãi vay phải trả trích trước | 13.650 | - |
| Thuế nhà thầu trích trước | 1.437 | - |
| Chi phí khác | 17.498 | 3.728 |
| | 163.590 | 27.155 |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19. PHẢI TRẢ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

| | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San – công ty mẹ | | |
| Thương mại | - | 20 |
| Phi thương mại | 102 | 100.000 |
| Phải trả các công ty liên quan khác | | |
| Thương mại | 29 | 57 |
| | <u>131</u> | <u>100.077</u> |

Các khoản nợ phi thương mại phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu (2008: chịu lãi suất năm là 12%).

Các khoản nợ thương mại phải trả các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế | 1.723 | 417 |
| Cổ tức phải trả | 840 | 840 |
| Phải trả khác | 1.393 | 977 |
| | <u>3.956</u> | <u>2.234</u> |

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | Thuyết minh | 31/12/2009 Triệu VND | 31/12/2008 Triệu VND |
|-------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Vay dài hạn | | | |
| Vay từ Ngân hàng Vietcombank | | | |
| Khoản vay 1 | (a) | 19.600 | 25.205 |
| Khoản vay 2 | (b) | 1.381 | 1.608 |
| Khoản vay 3 | (c) | 12.009 | - |
| Khoản vay 4 | (d) | 7.733 | - |
| Khoản vay 5 | (e) | 15.033 | - |
| Khoản vay 6 | (f) | 5.815 | - |
| Vay từ Ngân hàng BIDV | (g) | - | 470 |
| Vay từ Ngân hàng ACB | | | |
| Khoản vay 1 | (h) | 7.751 | 9.779 |
| Khoản vay 2 | (h) | 8.638 | - |
| Vay từ Ngân hàng Đại Dương | (i) | 43.398 | - |
| Trái phiếu dài hạn đã phát hành | (j) | 630.000 | - |
| | | <u>751.358</u> | <u>37.062</u> |
| Nợ thuê tài chính | (k) | 6.444 | 7.721 |
| | | <u>757.802</u> | <u>44.783</u> |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng | | | |
| Vay từ Ngân hàng Vietcombank | | | |
| Khoản vay 1 | (a) | (5.600) | (5.605) |
| Khoản vay 2 | (b) | (395) | (368) |
| Khoản vay 5 | (e) | (2.640) | - |
| Vay từ Ngân hàng BIDV | (g) | - | (470) |
| Vay từ Ngân hàng ACB | (h) | (4.504) | (2.445) |
| Vay từ Ngân hàng Đại Dương | (i) | (8.137) | - |
| Nợ thuê tài chính | (k) | (1.803) | (1.582) |
| | | <u>(23.079)</u> | <u>(10.470)</u> |
| Hoàn trả sau 12 tháng | | <u>734.723</u> | <u>34.313</u> |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

- (a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, một công ty con và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 23.067 triệu VNĐ (31/12/2008: 25.772 triệu VNĐ). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 35 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 10,85% (2008: 11,64% đến 21%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 7 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 2.800 triệu VNĐ.
- (b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 77.000 Đô la Mỹ (31/12/2008: 98.690 Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.594 triệu VNĐ (31/12/2008: 1.691 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bằng với lãi suất Libor 6 tháng cộng 2,50% (2009: 4,00% đến 5,70% và 2008: 7,00% đến 7,70% một năm). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 7 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 11.000 Đô la Mỹ.
- (c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng nhà cửa, máy móc và thiết bị. Khoản vay có hạn mức tối đa là 190 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 6,50% (2008: không). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay chưa được giải ngân hết và không có lịch trả nợ.
- (d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 45.350 triệu VNĐ. Trong năm, khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc đầu tư bằng khoản vay và chịu lãi suất năm là 6,50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay này chưa được giải ngân hết và không có lịch trả nợ.
- (e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng máy móc đầu tư được tài trợ bằng khoản vay. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 17,6 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 6,70%. Khoản vay này được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 880 triệu VNĐ bắt đầu từ ngày 13 tháng 4 năm 2010 và kỳ cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào ngày 14 tháng 4 năm 2014.
- (f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Trong năm, khoản vay này có hạn mức tối đa là 163 tỷ VNĐ và chịu lãi suất năm là 10,50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản vay này chưa được giải ngân hết và không có lịch trả nợ.
- (g) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 2.492 triệu VNĐ. Trong năm 2008, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 21,00%. Khoản vay này được trả hết vào ngày 25 tháng 6 năm 2009.
- (h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và được bảo đảm bằng nhà cửa, máy móc và thiết bị với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 5.084 triệu VNĐ (31/12/2008: 18.102 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất với giá trị là 2.795 triệu VNĐ (31/12/2008: 2.872 triệu VNĐ). Khoản vay bao gồm:

Khoản vay 1 được cấp với hạn mức tối đa là 720.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm bằng với lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 1,9% (2009: 6%; 2008: 10,1%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 432.000 Đô la Mỹ được hoàn trả trong 6 kỳ bán niên, mỗi kỳ trả 72.000 Đô la Mỹ.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Khoản vay 2 được cấp với hạn mức tối đa là 600.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm là 7,6%. Nợ gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 481.460 Đô la Mỹ và được hoàn trả trong 8 kỳ bán niên, mỗi kỳ 53.520 Đô la Mỹ bắt đầu từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 và kỳ cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào ngày 16 tháng 9 năm 2013.

- (i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 84 tỷ VNĐ và chưa được giải ngân hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm là 10,50%. Khoản vay này được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 2.712 triệu VNĐ bắt đầu từ ngày 22 tháng 5 năm 2010
- (j) Trái phiếu phải trả bao gồm ba trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 180 tỷ VNĐ trên mỗi trái phiếu, được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (gọi chung là “TPG”); và một trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90 tỷ VNĐ được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan.

Lãi suất năm là 15%, cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Lãi suất thực là 17,3625%/năm. Lãi vay không được hoàn trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Các trái phiếu này đáo hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2012.

Giá chuyển đổi được xác định sơ bộ là 20.374 VNĐ/ cổ phiếu và giá trị sẽ được điều chỉnh dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn.

Trái phiếu được đảm bảo bằng 8.820.000 cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Nếu giá giao dịch trung bình của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty giảm dưới 50% so với giá chuyển đổi hiện hành trong thời hạn 20 ngày giao dịch, số lượng cổ phiếu thể chấp sẽ tăng thêm 100%, hoặc thể chấp bằng tài sản khác theo thỏa thuận giữa Công ty và TPG Star Masan. Nếu giá giao dịch trung bình của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty tăng trên 100% so với giá chuyển đổi hiện hành trong thời hạn 10 ngày giao dịch, số lượng cổ phiếu được thể chấp sẽ giảm 50%.

Trái phiếu này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu tại Công ty từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày đáo hạn trái phiếu theo quyền lựa chọn của trái chủ. Tuy nhiên, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi các báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được cung cấp cho trái chủ, và giá giao dịch của các cổ phiếu được niêm yết của Công ty cao hơn 200% so với giá chuyển đổi có thể áp dụng trong thời hạn 90 ngày giao dịch, Công ty có quyền yêu cầu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo giá chuyển đổi đó.

Khi công ty phát hành thêm quyền mua cổ phiếu, trái chủ được đảm bảo được hưởng các quyền lợi và điều kiện như những người được nhận các quyền này. Nếu điều này không thực hiện được, trái chủ sẽ được trả một khoản tiền tương đương với giá trị hợp lý của những quyền đó.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(k) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | | | 31/12/2008 Triệu VNĐ | | |
|--------------------|-------------------------|---------------|--------------|-------------------------|---------------|--------------|
| | Tổng khoản thanh toán | Tiền lãi thuê | Nợ gốc | Tổng khoản thanh toán | Tiền lãi thuê | Nợ gốc |
| Trong vòng một năm | 2.120 | 317 | 1.803 | 2.174 | 592 | 1.582 |
| Từ hai đến năm năm | 5.042 | 401 | 4.641 | 7.101 | 962 | 6.139 |
| | <u>7.162</u> | <u>718</u> | <u>6.444</u> | <u>9.275</u> | <u>1.554</u> | <u>7.721</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ là 299.444 Đô la Mỹ, tương đương 5.372 triệu VNĐ (31/12/2008: 385.000 Đô la Mỹ, tương đương 6.516 triệu VNĐ).

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản cố định thuê tài chính trình bày trong Thuyết minh 9.

22. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 1.433 | 1.100 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 1.157 | 668 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (695) | (335) |
| Số dư cuối năm | <u>1.895</u> | <u>1.433</u> |

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

22. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC (TIẾP THEO)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn đã đóng 1.472 triệu VNĐ (2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất.

23. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2009 | | 31/12/2008 | |
|---------------------------------|-------------------|------------------|-------------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Triệu VNĐ | Số lượng cổ phiếu | Triệu VNĐ |
| Vốn cổ phần được duyệt | 485.399.820 | 4.853.998 | 320.000 | 32.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 485.399.820 | 4.853.998 | 320.000 | 32.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | <u>-</u> | <u>1.421.817</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

Cổ phiếu phổ thông trước nay có mệnh giá là 100.000 VNĐ. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2009, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt chia cổ phiếu theo tỷ lệ 1:10. Số cổ phiếu phổ thông sau khi được chia là 3.200.000 cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

23. VỐN CỔ PHẦN (TIẾP THEO)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

| | 2009 | | 2008 | |
|--|-------------------|-----------|-------------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Triệu VNĐ | Số lượng cổ phiếu | Triệu VNĐ |
| Số dư đầu năm | 320.000 | 32.000 | 320.000 | 32.000 |
| Ảnh hưởng của việc chia cổ phiếu | 2.880.000 | - | - | - |
| Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank") | 249.979.671 | 2.499.797 | - | - |
| Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San | 181.880.248 | 1.818.802 | - | - |
| Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt | 50.339.901 | 503.399 | - | - |
| Số dư cuối năm | 485.399.820 | 4.853.998 | 320.000 | 32.000 |

24. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 4.070.481 | 2.003.550 |
| ▪ Dịch vụ và doanh thu khác | 7.666 | - |
| Các khoản giảm trừ | | |
| ▪ Chiết khấu hàng bán | (119.391) | (69.102) |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (929) | (12.360) |
| ▪ Giảm giá hàng bán | (13) | - |
| Doanh thu thuần | 3.957.814 | 1.922.088 |

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 2.545.057 | 1.319.014 |
| ▪ Thanh lý trực in | 668 | 1.169 |
| ▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 38.151 | 3.984 |
| | 2.583.876 | 1.324.167 |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2009 Triệu VND | 2008 Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Lãi từ tiền gửi Ngân hàng | 29.628 | 651 |
| Lãi từ việc cho các cá nhân vay | 8.063 | 3.911 |
| Lãi từ việc cho công ty mẹ vay | 19.656 | 58.183 |
| Lãi từ việc cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt vay, là nhà đầu tư của công ty con và của Công ty | 34.750 | 49.434 |
| Thu nhập lãi vay từ khoản đầu tư vào trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành | 1.474 | - |
| Thu nhập cổ tức từ đầu tư dài hạn khác | - | 7.580 |
| Cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ các đơn vị nhận đầu tư | - | 2.184 |
| Lãi do chênh lệch tỷ giá | 2.846 | 10.246 |
| Thu từ bán cổ phiếu | 53.454 | - |
| Lãi từ các khoản nợ quá hạn | - | 2.303 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 10.421 | 33 |
| | <u>160.292</u> | <u>134.525</u> |

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2009 Triệu VND | 2008 Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả cho các ngân hàng | 56.930 | 50.968 |
| Chi phí lãi vay phải trả cho công ty mẹ | 1.957 | - |
| Chi phí lãi vay phải trả cho các cá nhân | 30.089 | - |
| Lỗ do chênh lệch tỷ giá | 14.154 | 7.329 |
| | <u>103.130</u> | <u>58.297</u> |

28. THU NHẬP KHÁC

| | 2009 Triệu VND | 2008 Triệu VND |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 229 | 4.124 |
| Thu từ thanh lý trực in | - | 333 |
| Thu từ bán phế liệu | 11.838 | 2.984 |
| Phí tư vấn được giảm | 4.447 | 202 |
| Thu khác | 2.118 | 1.800 |
| | <u>18.632</u> | <u>9.443</u> |

29. CHI PHÍ KHÁC

| | 2009 Triệu VND | 2008 Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | 84 | 5.371 |
| Giá vốn của phế liệu đã thanh lý | 9.876 | - |
| Phạt thuế | 7.068 | - |
| Thuế nhập khẩu không được hoàn lại | 5.194 | - |
| Chi phí khác | 556 | 314 |
| | <u>22.778</u> | <u>5.685</u> |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

30. LỢI NHUẬN TỪ CÔNG TY LIÊN KẾT

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận từ công ty liên kết | 132.661 | - |
| Khấu hao lợi thế thương mại | (84.651) | - |
| | <u>48.010</u> | <u>-</u> |

31. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|--|-------------------|-------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện tại | 73.130 | 58.523 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | - | 462 |
| | <u>73.130</u> | <u>58.985</u> |
| Thu nhập thuế hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời | (15.805) | (4.275) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây | - | (520) |
| Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận | (3.917) | - |
| Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất | - | 618 |
| | <u>(19.722)</u> | <u>(4.177)</u> |
| Chi phí thuế thu nhập | <u>53.408</u> | <u>54.808</u> |

31. THUẾ THU NHẬP (TIẾP THEO)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2009 | | 2008 | |
|--|--------------|---------------|---------------|---------------|
| | % | Triệu VNĐ | % | Triệu VNĐ |
| Lợi nhuận trước thuế | | 732.926 | | 454.913 |
| Thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25.00% | 183.232 | 28.00% | 127.376 |
| Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất | - | - | 0.14% | 618 |
| Ưu đãi thuế | (0.04%) | (279) | (0.02%) | (104) |
| Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con | (17.56%) | (128.724) | (15.58%) | (70.892) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn trong thu nhập và chi phí khác | (0.08%) | (608) | - | - |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 0.54% | 3.956 | 0.13% | 602 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (1.64%) | (12.003) | (0.60%) | (2.734) |
| Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trước đây | 1.07% | 7.834 | (0.12%) | (520) |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | - | - | 0.10% | 462 |
| | <u>7.29%</u> | <u>53.408</u> | <u>12.05%</u> | <u>54.808</u> |

Căn cứ theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, các hoạt động của các công ty con, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt (“Minh Việt”) thỏa mãn định nghĩa Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa và do đó Minh Việt được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho Quý 4 năm 2008. Khoản thuế được giảm cho Quý 4 năm 2008 được tính dựa trên một phần tư lợi nhuận chịu thuế của năm theo hướng dẫn trong Thông tư số 03.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên lợi nhuận chịu thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

31. THUẾ THU NHẬP (TIẾP THEO)

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

32. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | 2009 | 2008 |
|--|---|-----------|-----------|
| | | Triệu VNĐ | Triệu VNĐ |
| Công ty mẹ | | | |
| Công ty Cổ phần Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) | Mua sở hữu tại các công ty con | - | 100.000 |
| | Cho Công ty Cổ phần Ma San vay | 58.543 | 323.169 |
| | Thanh toán tiền vay và lãi vay bởi Công ty Cổ phần Ma San | 76.370 | 360.626 |
| | Mua trái phiếu có thể chuyển đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cần trừ khoản vay phải thu từ công ty mẹ | 400.000 | - |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | | | |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | Khoản vay phải thu và chi phí lãi vay | 930.089 | - |
| | Vốn góp | 1.030.134 | - |
| | Thù lao trả cho một thành viên trong Hội đồng Quản trị | 161 | 133 |
| Bên liên quan khác | | | |
| Nguyễn Quỳnh Lâm – một cổ đông của công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San | Tiền thu hồi khoản cho Nguyễn Quỳnh Lâm vay | - | 1.000 |
| | Góp vốn | 18.305 | - |

33. CÁC CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng | 206.904 | - |
| Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 428.947 | 15.395 |
| | <u>635.851</u> | <u>15.395</u> |

(b) Thuế

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau::

| | 31/12/2009 Triệu VNĐ | 31/12/2008 Triệu VNĐ |
|--------------------|-------------------------|-------------------------|
| Trong vòng một năm | 32.513 | 12.692 |
| Từ hai đến năm năm | 71.838 | 9.488 |
| Trên năm năm | 26.584 | 26.934 |
| | <u>130.935</u> | <u>49.114</u> |

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 416.574 triệu VNĐ (31/12/2008: 210.335 triệu VNĐ), và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 155.608.815 (2008: 3.200.000), được tính như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 416.574 | 210.335 |

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2009 | 2008 |
|---|--------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang | 3.200.000 | 3.200.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông được phát hành trong năm | 152.408.815 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông vào cuối năm | <u>155.608.815</u> | <u>3.200.000</u> |

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm 2008 đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc chia cổ phiếu theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 11 tháng 7 năm 2009. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc chia cổ phiếu này.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh những ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi (xem Thuyết minh số 21(j)). Giá chuyển đổi được dựa trên lợi nhuận của Tập đoàn trong năm 2010 nhưng với mục đích của việc tính toán này, giá xác định sơ bộ là 20.374 VNĐ/cổ phiếu đã được sử dụng.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

| | 2009 Triệu VNĐ | 2008 Triệu VNĐ |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (cơ bản) | 416.574 | 210.335 |
| Chi phí lãi của trái phiếu chuyển đổi, sau thuế | 11.316 | - |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm) | <u>427.890</u> | <u>210.335</u> |

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu (tiếp theo)

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

| | 2009 | 2008 |
|---|--------------------|------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cơ bản) | 155.608.815 | 3.200.000 |
| Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu có thể chuyển đổi | 4.320.648 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (suy giảm) | <u>159.929.463</u> | <u>3.200.000</u> |

35. THÙ LAO CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Số cổ phiếu của một công ty con được phát hành cho nhân viên của công ty đó đối với công sức đã đóng góp như sau:

| | 2009 | 2008 |
|--|---------------|---------------|
| Nhân viên | 1.067.998 | 266.209 |
| Thành viên Ban Giám đốc (không bao gồm trong số nhân viên) | <u>60.625</u> | <u>39.843</u> |

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3, năm 2010

Người duyệt



Nguyễn Đăng Quang
Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Thông tin bổ sung

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Lịch sử hoạt động

Tập đoàn được thành lập ngày 1 tháng 4 năm 1996, và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Masan Group”) vào tháng 9 năm 2009, và đã niêm yết thành công trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM ngày 5 tháng 11 năm 2009.

Ngành nghề hoạt động

Masan Group là một tập đoàn kinh tế tư nhân với Công ty Thực phẩm Ma San (“Masan Food”) là công ty con trực tiếp của Tập đoàn, và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) là công ty liên kết.

Chính sách người lao động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Masan Group có tổng cộng 5.079 nhân viên. Ngoài tiền lương, nhân viên được hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng như các quyền lợi khác theo luật Lao động quy định. Masan cũng áp dụng Chương trình Sở hữu Cổ phiếu cho Nhân viên (ESOP) và thưởng cho đội ngũ quản lý bằng cổ phiếu.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu tổ chức

| | | | |
|-----------------------|-----------------------|---------------|------------------------|
| Phủ quyết | Đại hội đồng cổ đông | | |
| Giám sát và Phê duyệt | Hội đồng quản trị | Ban kiểm soát | |
| Quản trị chiến lược | Ban điều hành | | |
| | Tổng giám đốc | | |
| | Phó tổng giám đốc | | |
| | Trưởng khối điều hành | | |
| | Kế toán trưởng | | |
| Thực thi | Phát triển Kinh doanh | Đối nội | Tài chính và Điều hành |

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị được cổ đông bầu ra để điều hành hoạt động của Tập đoàn. Các thành viên Hội đồng quản trị họp định kỳ để thảo luận về các quyết định chiến lược do Ban giám đốc đệ trình. Chi tiết về các trách nhiệm của Hội đồng quản trị được trình bày trong phần Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Ban giám đốc

Trách nhiệm chính của Ban điều hành bao gồm quản trị chiến lược, phân bổ nguồn lực ở cấp quản lý cao cấp, theo dõi và kiểm soát tài chính kế toán, quản lý vốn, quản trị doanh nghiệp, và kiểm soát nội bộ.

Khối Phát triển kinh doanh

Các chuyên viên khối Phát triển kinh doanh có trách nhiệm cung cấp sự hỗ trợ về mặt chiến lược và giao dịch cho các doanh nghiệp hiện hữu và trực tiếp thực thi hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mới.

Khối Đối nội và Quản lý dự án

Khối Đối nội và Quản lý Dự án đóng vai trò hỗ trợ rất quan trọng cho các công ty con và công ty liên kết nhờ sự hiểu biết và khả năng tiếp cận sâu rộng vào thị trường và nguồn lực địa phương của Việt Nam. Khối này có nhiều kinh nghiệm với các cơ quan chính phủ, cũng như công tác triển khai và quản lý dự án.

Khối Tài chính và Điều hành

Khối này bao gồm các chức năng Tài chính và kế toán, Pháp lý, Quan hệ với nhà đầu tư và Hành chính. Khối này chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo tài chính, tuân thủ luật pháp và quy định, làm việc với nhà đầu tư và xử lý sự vụ hàng ngày trong công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Sự ủy quyền

Hội đồng quản trị có hai thành viên điều hành và bốn thành viên độc lập không điều hành. Hội đồng quản trị có Chủ tịch là thành viên độc lập. Vai trò của Chủ tịch và Giám đốc điều hành được tách biệt. Trong năm qua, không có thay đổi trong cơ cấu của Hội đồng quản trị, ngoại trừ việc bổ nhiệm một thành viên mới, Lars Kjaer, đại diện cho BankInvest, tại Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

- Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch
- Ông Hồ Hùng Anh, Phó Chủ tịch
- Ông Madhur Maini, Thành viên
- Ông Nguyễn Thiều Nam, Thành viên
- Bà Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên
- Ông Lars Kjaer, Thành viên

Chủ tịch đóng vai trò lãnh đạo quan trọng và tham gia:

- Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và đóng vai trò lãnh đạo hiệu quả;
- Duy trì đối thoại với Giám đốc điều hành và chỉ đạo chiến lược phù hợp;
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị; và
- Là đại sứ cho Tập đoàn, bao gồm chủ trì Đại hội cổ đông và xử lý các vấn đề liên quan đến chính quyền và pháp lý.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm vạch ra phương hướng, chiến lược và mục tiêu tài chính của Tập đoàn, và giám sát diễn biến của những vấn đề này. Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban của mình.

Các thành viên không điều hành thường xuyên trao đổi với Ban điều hành của Tập đoàn để nắm được diễn biến và hiệu quả hoạt động.

Họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên họp để thảo luận về phương hướng, chiến lược và tiến độ phát triển của doanh nghiệp. Thông thường, các chủ đề tại cuộc họp Hội đồng quản trị bao gồm:

- Báo cáo về các dự án trọng điểm và các vấn đề kinh doanh hiện hành;
- Báo cáo về hiệu quả tài chính;
- Các đề án kinh doanh cụ thể;
- Biên bản của cuộc họp trước, và vấn đề còn tồn đọng.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị thường xuyên gặp gỡ để thảo luận về việc tái cấu trúc và niêm yết Masan, chiến lược tương lai của Tập đoàn, và các cơ hội đầu tư. Trong năm 2009, hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm:

- kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phát hành cổ phần mới cho những nhà đầu tư chiến lược dưới hình thức phát hành riêng lẻ cho ít hơn 100 nhà đầu tư;
- chuẩn bị kế hoạch phát hành và kế hoạch sử dụng tiền thu được từ phát hành;
- lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cụ thể;
- quyết định mức giá đăng ký, thời gian phát hành và các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành;
- quyết định các giao dịch, các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận này được ký kết giữa các nhà đầu tư chiến lược và Tập đoàn liên quan đến việc phát hành;
- quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm; và
- đề nghị phát hành trái phiếu chuyển đổi cho TPG.

Hội đồng quản trị cũng bổ nhiệm thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng và Giám đốc Tài chính của Tập đoàn.

Trong năm qua không có cuộc họp riêng biệt nào dành cho các thành viên không điều hành. Hoạt động của Hội đồng quản trị mời tất cả các thành viên tham gia.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ngày 31 tháng 8 năm 2009, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm các thành viên Ban điều hành. Tại các cuộc họp thường kỳ, Ban điều hành đánh giá sự phát triển trong các doanh nghiệp, thảo luận về những vấn đề về chiến lược của Tập đoàn và đưa ra các khuyến nghị. Giám đốc điều hành lãnh đạo Ban điều hành.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, không có sự thay đổi nào trong cơ cấu và nhân sự của Ban điều hành. Thành viên của Ban điều hành bao gồm:

- Ông Madhur Maini, Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Thiệu Nam, Phó Tổng giám đốc
- Bà Trần Thị Minh Nguyệt, Trưởng khối Điều hành
- Bà Tạ Thị Thùy Trang, Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành

- Ông Madhur Maini, Tổng giám đốc
Trước khi gia nhập tập đoàn, Ông Madhur Maini có hơn 14 năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư tại các vị trí khác nhau như: Trưởng bộ phận Credit Trading, Trưởng bộ phận Malaysia Investment Banking, Trưởng bộ phận Thailand Investment Banking, Trưởng bộ phận Financial Institutions và Trưởng bộ phận M&A khu vực Đông Nam Á. Ông Madhur đã từng làm việc cho Ngân hàng đầu tư Merrill Lynch và Deutsche Bank ở New York, Hong Kong và Singapore. Ông Madhur tốt nghiệp trường đại học Pennsylvania, Mỹ, với bằng Cử nhân Quản lý và Kỹ thuật, và nhận bằng Cử nhân Kinh tế từ trường Wharton, Mỹ.
- Ông Nguyễn Thiệu Nam, Phó Tổng giám đốc
Ông Thiệu Nam gia nhập Tập đoàn Masan từ năm 1997, với vị trí Giám đốc của Masan Food. Trước đó, Ông Thiệu Nam từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý, gồm Giám đốc điều hành công ty cổ phần Đa My, và thành viên Hội đồng Quản trị Techcombank. Ông Thiệu Nam tốt nghiệp Đại Học Thương Mại, chuyên ngành Kinh tế.
- Bà Trần Thị Minh Nguyệt, Trưởng Khối Điều hành
Bà Trần Thị Minh Nguyệt đã giữ các vị trí Kế toán trưởng ở cả Tập đoàn lẫn các công ty khác từ năm 1997. Bà Minh Nguyệt là Cử nhân ngành Ngoại thương của trường Đại học Thương Mại Việt Nam, và Cử nhân QTKD trường Đại học Kinh tế Việt Nam.
- Bà Tạ Thị Thùy Trang, Kế toán trưởng
Bà Tạ Thị Thùy Trang có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán quản trị và kế toán tài chính. Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, Thùy Trang là Kế toán trưởng ở công ty TUV SUD PSB Việt Nam và Kế toán tổng hợp ở công ty OV Container Line và chuỗi cửa hàng tiện nghi Masan.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát đã được chỉ định bởi Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát giám sát các hoạt động và hiệu quả của Hội đồng quản trị..

Ban kiểm soát bao gồm các thành viên sau đây:

- Ông Nguyễn Quỳnh Lâm - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thu Hiền - Thành viên
- Ông Đặng Ngọc Cả - Thành viên

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc tuân thủ Điều lệ của Tập đoàn, các Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Tập đoàn và pháp luật Việt Nam có liên quan. Đặc biệt, Ban kiểm soát tham gia vào các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông.

QUY CHẾ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NỘI BỘ

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Tập đoàn đã được phê duyệt trong Đại hội cổ đông tổ chức ngày 09 tháng 10 năm 2009. Mục tiêu của Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ là:

- đảm bảo một kế hoạch quản trị doanh nghiệp hiệu quả;
- đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- bảo đảm quyền bình đẳng giữa các cổ đông;
- bảo đảm quyền bình đẳng cho các bên liên quan;
- nâng cao tính minh bạch; và
- giám sát hiệu quả của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị, thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và thành viên Ban kiểm soát.

Mười một trong số 13 thành viên của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát có bằng cấp trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

Trong năm 2009, Tập đoàn không ký hết hợp đồng kinh tế nào với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

Tập đoàn đang xây dựng các chính sách về thù lao cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thù lao của Ban điều hành bao gồm một khoản cố định và một khoản biến đổi.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

| | 31/12/2009 | | 31/12/2008 | |
|--------------------------------------|------------------|----------|------------------|----------|
| | theo số cổ phiếu | theo % | theo số cổ phiếu | theo % |
| Nhà đầu tư lớn | | | | |
| Công ty Cổ phần Ma San | 250.421.247 | 51,5907% | 0 | 0,0000% |
| Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cổ đông sáng lập | | | | |
| Nguyễn Đăng Quang | 10 | 0,0000% | 0 | 0,0000% |
| Hồ Hùng Anh | 21.768.269 | 4,5693% | 0 | 0,0000% |
| Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài | | | | |
| BankInvest | 54.684.328 | 11,2658% | 0 | 0,0000% |
| House Foods | 9.000.000 | 1,8541% | 0 | 0,0000% |

Công ty Cổ phần Ma San

Công ty Cổ phần Masan được thành lập ngày 13 tháng 9 năm 2009. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, quản lý và tư vấn chuyển giao công nghệ, thành lập và quản lý các dự án đầu tư, cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

Cổ đông sáng lập

Ông Nguyễn Đăng Quang giữ vị trí Chủ tịch và Ông Hồ Hùng Anh là Phó Chủ tịch của Masan Group vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Vào ngày báo cáo, cả hai đều giữ nguyên chức vụ.

Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài

Thông tin thêm về BankInvest và House Foods được cung cấp trong phần Hồ sơ đối tác. BankInvest tọa lạc tại Phòng 1601, Lầu 16, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

House Foods tọa lạc tại 6-3 Kioi-cho, Chiyoda-ward, Tokyo 102-8560, Nhật Bản.

SỞ HỮU VÀ SỰ THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2009

| | 2009 theo % | 2008 theo % | Tăng |
|-------------------------------------|----------------|----------------|---------|
| Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch | 0,0000% | 0,0000% | 0,0000% |
| Hồ Hùng Anh, Phó Chủ tịch | 4,4846% | 0,0000% | 4,4846% |
| Madhur Maini, Giám đốc điều hành | 0,1238% | 0,0000% | 0,1238% |
| Nguyễn Thiệu Nam, Phó Tổng giám đốc | 0,0227% | 0,0000% | 0,0227% |
| Nguyễn Hoàng Yển, Thành viên | 4,4869% | 0,0000% | 4,4869% |
| Lars Kjaer, Thành viên | 0,0000% | 0,0000% | 0,0000% |

THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP CỦA TẬP ĐOÀN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trong năm qua, có 3 giao dịch cổ phiếu của Masan được tiến hành bởi người có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Bảng dưới đây trình bày thông tin chi tiết các giao dịch.

| Ngày mua bán/ chuyển nhượng | Người có liên quan và quan hệ với thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát | Số cổ phiếu bán |
|-----------------------------|---|-----------------|
| 10/11/2009 | Nguyễn Thị Thu Hà, em của bà Nguyễn Thị Thu Hiền – thành viên Ban Kiểm soát | 5.000 |
| 24/12/2009 | Nguyễn Thị Thu Hà, em của bà Nguyễn Thị Thu Hiền – thành viên Ban Kiểm soát | 100 |
| 29/12/2009 | Nguyễn Thiệu Quang, anh của ông Nguyễn Thiệu Nam – Phó Tổng Giám đốc | 966.994 |

THÔNG TIN VỀ NGUỒN VỐN

| Tại ngày 31 tháng 12, kèm ghi chú nếu là thông tin khác | 2009 |
|---|-------------|
| Giá cổ phiếu (đồng) | 34.200 |
| Giá cao nhất trong 52 tuần (đồng) | 45.300 |
| Giá thấp nhất trong 52 tuần (đồng) | 32.600 |
| Số cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành (cổ phiếu) | 485.399.820 |
| Số cổ phiếu thường (cổ phiếu) | 485.399.820 |
| Số cổ phiếu ưu đãi (cổ phiếu) | 0 |
| Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu) | 0 |
| Tỷ lệ cổ tức/ thị giá (%) | 0 |
| Số trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu) | 4 |
| Giá trị trái phiếu (tỉ đồng) | 630 |

Thuật ngữ tham khảo

| | |
|---------------------------------|---|
| ATM | Máy rút tiền tự động (Automatic Teller Machine) |
| BankInvest | Tập đoàn BankInvest |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| House Foods | Công ty Thực phẩm House Foods, Nhật Bản (House Foods Inc.) |
| HSBC | Tập đoàn Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (The Hongkong and Shanghai Banking Corporation) |
| M&A | Mua bán và sáp nhập công ty |
| Masan hoặc Tập đoàn Masan | nói đến Masan Group, Masan Food và Techcombank |
| Masan Group hoặc Tập đoàn Masan | Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San |
| Mekong Capital | Công ty Quý đầu tư Mekong |
| ROA | Thu nhập trên tài sản |
| ROE | Thu nhập trên vốn chủ sở hữu |
| Techcombank or the Bank | Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ thương Việt Nam |
| TPG | Tập đoàn Texas Pacific Group |
| Tp. Hồ Chí Minh hoặc Tp. HCM | Thành phố Hồ Chí Minh |
| USD | Đô-la Mỹ |
| VNĐ | Đồng Việt Nam |

Địa chỉ liên lạc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 6256 3862
Fax: +84 8 3827 4115
Trang web: www.masangroup.com

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon
39 Lê Duẩn, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 6255 5660
Fax: +84 8 3810 9463
Trang web: www.masanfood.com

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Bà Triệu
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 4 3944 6368
Fax: +84 4 3944 6362
Trang web: www.techcombank.com.vn

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo này chứa những thông tin có thể tạo thành những nhận định về tương lai. Nói chung, những từ như “tin tưởng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “ước tính”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự phóng”, “sẽ”, “triển vọng”, “có thể”, “tin rằng” và những cụm từ tương tự chứa đựng những thông tin dự đoán, mang bản chất tương lai, và không hiện tồn tại. Tuy nhiên, nếu không có những từ này hay cụm từ tương tự thì cũng không có nghĩa là nhận định đó không mang tính kỳ vọng. Tất cả những nhận định đề cập đến hiệu quả hoạt động, sự kiện hay sự phát triển mà chúng tôi kỳ vọng hoặc dự đoán sẽ xảy ra trong tương lai - kể cả báo cáo liên quan đến sự tăng trưởng khối lượng, thị phần và những nhận định bày tỏ quan điểm chung về kết quả hoạt động trong tương lai – đều là những nhận định về kỳ vọng.

Chúng tôi tin rằng những nhận định về tương lai này là hợp lý khi cần thiết. Tuy nhiên, người đọc cần thận trọng và không nên phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhận định về kỳ vọng nào như vậy bởi vì những nhận định trên chỉ được đưa ra vào ngày làm báo cáo. Tập đoàn Masan không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định về kỳ vọng nào, theo kết quả của các thông tin mới, các sự kiện tương lai, trừ khi được yêu cầu bởi pháp luật. Ngoài ra, những nhận định về kỳ vọng tùy thuộc vào những rủi ro và bất trắc nhất định có thể gây ra kết quả thực sự khác biệt đáng kể so với kinh nghiệm trong lịch sử của công ty và những kỳ vọng hoặc dự phóng hiện tại của chúng tôi. Những rủi ro và sự không chắc chắn bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn, những điều được mô tả trong báo cáo này, và những điều xuất hiện trong các báo cáo của chúng tôi nộp cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM sau này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza

17 Lê Duẩn, Quận 1

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 8 6256 3862

Fax: +84 8 3827 4115

www.masangroup.com